

Ngày soạn: 18/08/2012

Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B5

Tiết 1

Bài 1: BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- a. Kiến thức:-** Biết được tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân
- Biết được tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay và phương hướng, nhiệm vụ của ngành trong thời gian tới
- b. Kỹ năng :** - Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích so sánh
- c. Thái độ :** - Có thái độ nghiêm túc trong khi học, say mê với môn học và cú hứng thú tìm hiểu nghề nông nghiệp

2. Chuẩn bị

- a. GV:** Nghiên cứu SGK. Đọc phần thông tin bổ sung trong SGK
Phương pháp: diễn giảng, hỏi đáp, thảo luận nhóm.
Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo
- b. HS:** Đọc bài mới trước ở nhà

3. Tiến trình:

a. Ôn định lớp (1')

* **Kiểm tra bài cũ:** Lòng trong bài mới.

* **Đặt vấn đề: (1')**

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm mục đích cung cấp nhiều sản phẩm phục vụ đời sống con người. Nước ta là một nước nông nghiệp, hơn nữa cha ông ta đó có câu ” Việt Nam rừng vàng biển bạc”, điều đó càng đó núi lên được tầm quan trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp có vị trí như thế nào trong nền kinh tế của nước ta, và chúng ta sẽ được tìm hiểu rõ hơn qua bài học hôm nay.

b. Bài mới:

HD1:(13p) *Tìm hiểu tầm quan trọng của sản xuất, nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân:*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
+ Theo em, nước ta có những thuận lợi nào để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp? - Nhận xét và bổ sung: Ngoài những thuận lợi như trên thì VN chúng ta còn có địa hình, nhiều hệ thống sông ngòi, ao hồ cũng góp phần tạo thuận lợi cho sự phát triển N, L, NN của đất nước. - Yêu cầu HS quan sát, tìm	+ Nêu được: . Khí hậu, đất đai thích hợp cho ST, PT của nhiều loại cây trồng và vật nuôi. . Tính siêng năng cần cù của người nông dân.	<i>I – TẦM QUAN TRỌNG CỦA SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN</i>

hiểu thông tin biểu đồ (hình 1.1- sgk) và nhận xét sự đóng góp của N, L, NN? - Theo dõi hoạt động của học sinh và nhận xét, tổng kết kiến thức trong biểu đồ (Nếu tính theo tỉ lệ đóng góp qua các năm so với các ngành khác thì N, L, NN đóng góp khoảng 1/4 – 1/5). - Phát phiếu thảo luận yêu cầu hs hoàn thành nội dung theo nhóm ngồi cùng bàn học. + Nêu một số các sản phẩm của Nông, Lâm, Ngư Nghiệp được sử dụng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến? - Mời 1, 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại theo dõi, so sánh kết quả. => Đánh giá- bổ sung kiến thức và hoạt động nhóm của học sinh. - Yêu cầu HS chú ý theo dõi nội dung- số liệu trong bảng 1 sgk để trả lời câu hỏi: + Dựa vào số liệu qua các năm của bảng 1 em có nhận xét gì? + Tính tỷ lệ % của sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp so với tổng hàng hoá XK? Từ đó có Nhận xét gì? - Hướng dẫn cho HS phân tích hình 1.2: + So sánh LLLĐ trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp so với các ngành khác? Ý nghĩa? => Đánh giá, hoàn thiện kiến thức. - Đặt vấn đề về môi	+ Tìm hiểu thông tin biểu đồ và nhận xét về sự đóng góp của N, L, NN qua các năm. . Đại diện nêu nhận xét kiến thức. . Lớp nhận xét về nội dung bạn đã trình bày và bổ sung. - Tiếp thu kiến thức. - Các nhóm nhận phiếu và thảo luận, thống nhất đáp án. + Đại diện nhóm trình bày kết quả trong phiếu học tập. + Các nhóm nhận xét, bổ sung. - So sánh số liệu và nêu nhận xét. + Hàng nông, lâm sản xuất khẩu qua các năm là tăng. + Nêu được: . Giá trị hàng nông sản tăng do được đầu tư nhiều (giống, kỹ thuật và phân bón...). . Tỷ lệ giá trị hàng nông sản giảm vì mức độ đột phá của nông nghiệp so với các ngành khác còn chậm. - Nghe hướng dẫn để thảo luận (so sánh, Phân tích). + Đại diện trình bày ý kiến + Lớp nhận xét và bổ sung.	<i>1. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đóng góp một phần không nhỏ vào cơ cấu tổng sản phẩm trong nước</i> Ngành nông, lâm, ngư nghiệp đóng góp 1/4 đến 1/5 vào cơ cấu tổng SP trong nước <i>2. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến</i> VD: các loại rau quả, trái cây, lúa gạo, ngũ cốc, Thịt hộp, rau quả tươi đóng gói, thực phẩm ăn sẵn, đồ khô, .. <i>3. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp có vai trò quan trọng trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu</i> VD: lúa gạo, cà phê, ca cao, điều, hồ tiêu, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, cá tra, cá basa, tôm sú, tôm càng xanh..... <i>4. Hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp còn chiếm trên 50% tổng số lao động tham gia vào các ngành kinh tế</i>
---	--	---

trường: Thông qua hoạt động sản xuất các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường sinh thái cả về mặt tích cực và tiêu cực. Vậy em hãy: + Nêu những VD thực tế chứng minh điều vừa nói ở trên? Nguyên nhân và hậu quả của nó? + Biện pháp khắc phục tránh những hậu quả đó?	- Lắng nghe. + Nêu VD tại địa phương, trong nước và hậu quả. + Nêu được: Có ý thức trong lao động sản xuất.. trong việc sử dụng thuốc hoá học trong quá trình chế biến, bảo quản, khai thác	
---	---	--

HD2: (15p) *Tìm hiểu tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay:*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Cho HS n/c nội dung câu hỏi SGK và trả lời => Đánh giá kiến thức. - Yêu cầu HS: + Lấy VD về 1 số sản phẩm N, L, NN đã được XK ra thị trường quốc tế? - Đặt vấn đề với câu hỏi: + Theo em, tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hiện nay còn có những hạn chế gì? + Tại sao năng suất, chất lượng còn thấp? - Nhấn mạnh: vậy để khắc phục và hạn chế những hậu quả không tốt tới môi trường thì chúng ta cần phải quan tâm tới việc áp dụng khoa học kĩ thuật một	- Trả lời theo câu hỏi sgk. + Nêu lên được: Gạo, cafe, cá tra, cá ba sa, tôm, gỗ.... + Nêu được: Chưa có nhận thức đúng đắn về công tác bảo vệ môi trường, chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt nên trong quá trình sản xuất còn có những tác động gây ô nhiễm tới môi trường như: Đất, nước, không khí... + Nêu được: trình độ sản xuất còn lạc hậu, áp dụng khoa học vào sản xuất chưa đồng bộ, chưa khoa học - Lắng nghe.	II – TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY <u>1. Thành tựu:</u> a/ Sản xuất lương thực tăng liên tục b/ Bước đầu đã hình thành 1 số ngành SX hàng hóa với các vựa SX tập trung đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu c/ Một số SP của ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã được xuất khẩu ra thị trường quốc tế VD: Gạo, cà phê, tôm, cá tra, gỗ, cá basa.. <u>2. Hạn chế:</u> - Năng suất và chất lượng sản phẩm còn thấp - Hệ thống giống cây trồng, vật nuôi, cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản còn lạc hậu và chưa đáp ứng được yêu cầu của nền SX hàng hoá chất lượng cao

cách đồng bộ, quan tâm tới VS môi trường cộng đồng trong quá trình sản xuất.		
--	--	--

HD3: (10p) Tìm hiểu phương hướng, nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp nước ta

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Trong thời gian tới, ngành nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta cần thực hiện những nhiệm vụ gì? + Làm thế nào để chăn nuôi có thể trở thành một nền sản xuất chính trong điều kiện dịch bệnh hiện nay? + Cần làm gì để có một môi trường sinh thái trong sạch trong quá trình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp?	+ Trả lời + Nêu được: Việc ứng dụng khoa học, vệ sinh phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường... + Nêu được: tuyên truyền rộng rãi trong cộng đồng để mọi người cùng nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ sức khỏe, vệ sinh cộng đồng, vệ sinh môi trường sinh thái...	III – PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP Ở NƯỚC TA 1. Tăng cường sản xuất lương thực để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. 2. Đầu tư phát triển chăn nuôi để đưa ngành này thành ngành sản xuất chính. 3. Xây dựng một nền nông nghiệp phát triển nhanh và bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái - một nền nông nghiệp sản xuất đủ lương thực, thực phẩm đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu nhưng không gây ô nhiễm và suy thoái môi trường. 4. Áp dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực chọn, tạo giống vật nuôi, cây trồng để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. 5. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch để giảm bớt hao hụt sản phẩm và nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản.

c. Củng cố:(4')

1. Em hãy nêu vai trò của ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.
2. Nêu những hạn chế của ngành nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay. Cho ví dụ minh họa.
3. Nêu những nhiệm vụ chính của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nước ta trong thời gian tới.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

Trả lời câu hỏi SGK

Cho biết sự phát triển của nông, lâm, ngư ở địa phương em (thành tựu, hạn chế, sự áp dụng tiến bộ KHKT?)

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 25/08/2012

Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 8 / 2012 Lớp 10B5

Tiết 2

Chương 1: TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP ĐẠI CƯƠNG
Bài 2: KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Mục tiêu

a. Kiến thức: Học xong bài này, học sinh cần:

- Biết được mục đích ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.
- Biết được nội dung của các thí nghiệm so sánh giống cây trồng, kiểm tra kỹ thuật, sản xuất quảng cáo trong hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng.

b. Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích so sánh

c. Thái độ : -Có nhận thức đúng đắn và thái độ tôn trọng đối với các nghề nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông lâm, ngư, nghiệp qua đó góp phần định hướng nghề nghiệp trong tương lai của bản thân

2. Chuẩn bị

a. GV: Nghiên cứu SGK . Đọc phần thông tin bổ sung trong SGK

Phương pháp: diễn giảng, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Phiếu học tập (ND thảo luận):

Loại thí nghiệm	Mục đích	Phạm vi tiến hành
TN so sánh giống		
TN kiểm tra kỹ thuật		
TN sản xuất quảng cáo.		

b. HS: Đọc bài mới trước ở nhà

3. Tiến trình:

a. Ổn định lớp (1')

* **Kiểm tra bài cũ:** Lồng trong bài mới.

* **Đặt vấn đề: (1')**

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm mục đích cung cấp nhiều sản phẩm phục vụ đời sống con người. Để tìm ra được một giống lúa mới năng suất cao, một loại trái cây cho vị ngon mới, những giống cây trồng sinh sôi tươi tốt trên những vùng đất khác nhau, các nhà khoa học phải làm công tác khảo nghiệm giống cây trồng. Vậy khảo nghiệm giống cây trồng là gì? Làm như thế nào? Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng làm rõ điều này.

b. Bài mới:

HD1:(15p) *Tìm hiểu mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Vì sao các giống cây trồng phải khảo nghiệm trước khi đưa ra sản xuất	- Đọc kỹ phần I SGK thảo luận nhóm để trả lời:	<u>I. Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.</u> 1- Nhằm đánh giá khách quan, chính xác và công nhận kịp thời

đại trà? GV gợi ý cho HS - Nếu đưa giống mới vào sản xuất không qua khảo nghiệm dẫn đến hậu quả như thế nào? <u>Liên hệ:</u> - Giống mới có ảnh hưởng đến hệ sinh thái không? - Giống mới có phá vỡ cân bằng sinh thái môi trường trong khu vực không?	Vì mọi tính trạng và đặc điểm của giống cây trồng thường chỉ biểu hiện ra trong những điều kiện nhất định. - Có thể trao đổi để trả lời : Nếu không qua khảo nghiệm không biết được những đặc tính giống và yêu cầu kỹ thuật canh tác nên hiệu quả sẽ thấp	giống cây trồng mới phù hợp với từng vùng và hệ thống luân canh là việc làm cần thiết. 2- Cung cấp những thông tin chủ yếu về yêu cầu kỹ thuật canh tác và hướng sử dụng những giống mới được công nhận. Như vậy, một giống cây trồng mới chọn tạo hoặc mới nhập nội, nhất thiết phải qua khâu khảo nghiệm.
---	--	--

HD2: (23p) Tìm hiểu các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- GV phân nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập - GV hoàn chỉnh, nhấn mạnh mục đích của từng loại thí nghiệm.	- HS tiến hành đọc phần hai của bài, thảo luận cử đại diện trả lời . - Những nhóm khác bổ sung.	<u>II. Các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng</u> <u>1-Thí nghiệm so sánh giống</u> a-<u>Mục đích:</u> So sánh giống mới chọn tạo hoặc nhập nội với các giống phổ biến rộng rãi trong sản xuất đại trà về các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng nông sản và tính chống chịu với điều kiện ngoại cảnh không thuận lợi. b-<u>Phạm vi tiến hành:</u> Trên ruộng thí nghiệm và đối chứng ở từng địa phương. Nếu giống mới vượt trội so với giống phổ biến trong sản xuất đại trà về các chỉ tiêu trên thì được chọn và gửi đến Trung tâm Khảo nghiệm giống Quốc gia để khảo nghiệm trong mạng lưới khảo nghiệm giống trên toàn quốc. <u>2-Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật</u> a-<u>Mục đích:</u>Nhằm kiểm tra những đề xuất của cơ quan chọn tạo giống về quy trình kỹ thuật gieo trồng. b-<u>Phạm vi tiến hành:</u>Tiến hành trong mạng lưới khảo nghiệm giống Quốc gia nhằm xác định thời vụ, mật độ gieo trồng, chế độ phân bón của giống...Trên cơ sở đó, người ta xây

- Khi nào giống được phổ biến trong sản xuất đại trà? - Để người nông dân biết về một giống cây trồng cần phải làm gì? - Mục đích của thí nghiệm sản xuất quảng cáo? - Thí nghiệm được tiến hành trong phạm vi nào?	- Nếu giống khảo nghiệm đáp ứng được yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng nhận giống Quốc gia và được phép phổ biến trong sản xuất. - HS trả lời -Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà, cần bố trí thí nghiệm sản xuất quảng cáo. -Được triển khai trên diện rộng. Trong thời gian thí nghiệm, cần tổ chức hội nghị đầu bờ để khảo sát, đánh giá kết quả. đồng thời cần phải phổ biến quảng cáo trên thông tin đại chúng để mọi người biết về giống mới.	dựng quy trình kỹ thuật gieo trồng để mở rộng sản xuất ra đại trà. Nếu giống khảo nghiệm đáp ứng được yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng nhận giống Quốc gia và được phép phổ biến trong sản xuất. <u>3-Thí nghiệm sản xuất quảng cáo</u> a-Mục đích: Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà, cần bố trí thí nghiệm sản xuất quảng cáo. b-Phạm vi tiến hành: Được triển khai trên diện rộng. Trong thời gian thí nghiệm, cần tổ chức hội nghị đầu bờ để khảo sát, đánh giá kết quả. đồng thời cần phải phổ biến quảng cáo trên thông tin đại chúng để mọi người biết về giống mới.
---	---	--

c. củng cố:(4')

* Y/C HS trả lời các câu hỏi cuối bài trong SGK.

* Chọn câu trả lời đúng nhất:

1/ Mục đích của thí nghiệm sx quảng cáo

- A. Tổ chức được hội nghị đầu bờ để khảo sát.
- B. Quảng cáo về năng suất, chất lượng của giống
- C. Triển khai thí nghiệm quảng cáo trên diện rộng
- D. Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà

2/ Mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng

- A. Đánh giá khách quan giống cây trồng mới phù hợp với từng vùng
- B. Nhất thiết phải nắm vững đặc tính và yêu cầu kỹ thuật của giống mới
- C. Đảm bảo giống mới đạt năng suất cao

D. Vì mọi tính trạng và đặc điểm của giống cây trồng chỉ biểu hiện ra trong những điều kiện ngoại cảnh nhất định

3/ Mục đích của thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật

- A. Xác định chế độ phân bón
- B. Xác định mật độ gieo trồng
- C. Xây dựng quy trình kỹ thuật gieo trồng
- D. Xác định thời vụ

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

Trả lời câu hỏi SGK

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 31/08/2012

Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 3

Bài 3: SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Mục tiêu

a. Kiến thức Học xong bài này, học sinh cần:

- Biết được mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.
- Nắm được hệ thống sản xuất giống cây trồng .
- Biết được quy trình sản xuất giống cây trồng .

b. Kỹ năng - Quan sát, phân tích, so sánh.

c. Thái độ : - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ giống tốt, quý của địa phương
- Có ý thức lựa chọn giống phù hợp với điều kiện giống của địa phương.

2. Chuẩn bị

- a. GV:**
- N/c SGK.
 - Soạn giáo án
 - Sơ đồ H 3.1, H 3.2, H3.3, H 4.1, Tranh vẽ H 4.2.
 - Phiếu học tập (Cuối bài)
 - Phương pháp: Vấn đáp tìm tòi, thảo luận nhóm, quan sát tìm tòi.

b. HS: Đọc bài mới trước ở nhà, - Chú ý trong giờ học.

3. Tiến trình:

a. Ổn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ(4')**

- Câu hỏi: Để giống mới được đưa vào sản xuất đại trà thì phải qua các TN khảo nghiệm nào?

Mục đích các thí nghiệm?

- Đáp án: **Các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng**

1-Thí nghiệm so sánh giống

-**Mục đích:** So sánh giống mới chọn tạo hoặc nhập nội với các giống phổ biến rộng rãi trong sản xuất đại trà về các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng nông sản và tính chống chịu với điều kiện ngoại cảnh không thuận lợi.

2-Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật

-**Mục đích:** Nhằm kiểm tra những đề xuất của cơ quan chọn tạo giống về quy trình kỹ thuật gieo trồng.

-**Phạm vi tiến hành:** Tiến hành trong mạng lưới khảo nghiệm giống Quốc gia nhằm xác định thời vụ, mật độ gieo trồng, chế độ phân bón của giống... Trên cơ sở đó, người ta xây dựng quy trình kỹ thuật gieo trồng để mở rộng sản xuất ra đại trà.

Nếu giống khảo nghiệm đáp ứng được yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng nhận giống Quốc gia và được phép phổ biến trong sản xuất.

3-Thí nghiệm sản xuất quảng cáo

-**Mục đích:** Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà, cần bố trí thí nghiệm sản xuất quảng cáo.

-**Phạm vi tiến hành:** Được triển khai trên diện rộng. Trong thời gian thí nghiệm, cần tổ chức hội nghị đầu bờ để khảo sát, đánh giá kết quả. đồng thời cần phải phổ biến quảng cáo trên thông tin đại chúng để mọi người biết về giống mới.

*** Đặt vấn đề: (1')** Trong trồng trọt lâm nghiệp, giống luôn là vấn đề được coi trọng hàng đầu, để đảm bảo có đủ số lượng giống cần thiết với chất lượng cao thì việc sản xuất giống là rất quan trọng. Vậy công việc đó như thế nào chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học này:

b. Bài mới:

HD1:(15p) *Tìm hiểu mục đích và hệ thống sản xuất giống cây trồng*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Gọi HS đọc SGK mục I / 12 - Giải thích khái niệm sức sống, tính trạng điển hình, sản xuất đại trà. - Yêu cầu HS đọc mục II/ 12 SGK - Treo H 3.1/ 12 SGK phóng to và hỏi - Hệ thống sản xuất giống cây trồng gồm mấy giai đoạn. Nội dung của từng giai đoạn? - Bắt đầu từ khâu nào? khi nào kết thúc? - Thế nào là hạt siêu nguyên chủng? - Nhiệm vụ của giai đoạn 1 là gì? - Nơi nào có nhiệm vụ sản xuất hạt siêu nguyên chủng? - Thế nào là hạt nguyên chủng? - Tại sao hạt SNC & hạt NC cần được sản xuất tại các cơ sở sản xuất giống chuyên ngành?	- HS đọc SGK mục I / 12. - HS đọc mục II/ 12 SGK - Quan sát tranh. - 3 giai đoạn. - Nhận hạt giống. - Hạt giống xác nhận. - Chất lượng, thuần khiết. - Vì hạt SNC đòi hỏi y/c KT cao và sự theo dõi chặt chẽ, chống pha tạp, đảm bảo duy trì và củng cố kiểu gen thuần chủng của giống	I. Mục đích - Duy trì, củng cố độ thuần chủng, sức sống và tính trạng điển hình của giống. - Tạo ra số lượng giống cần thiết cc cho sx đại trà. - Đưa giống tốt nhanh phổ biến vào sx. II. Hệ thống sản xuất giống cây trồng - Bắt đầu: khi nhận hạt giống do cơ sở nhà nước cung cấp. - Kết thúc: có được hạt giống xác nhận. - gồm 3 giai đoạn: * Sản xuất hạt siêu nguyên chủng: Chất lượng và độ thuần khiết cao. * Sản xuất hạt giống nguyên chủng từ siêu nguyên chủng: chất lượng cao. * Sản xuất hạt giống xác nhận: cung cấp cho sản xuất đại trà.

HD2: (20p) *Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng:*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Giới thiệu sơ lược hình thức sinh sản ở thực vật: hữu tính (tự thụ / thụ phấn chéo) & vô tính.	- Quan sát: lưu ý những ô gạch chéo là biểu tượng các dòng không đạt yêu cầu ⇒ không thu hạt.	III. Quy trình sản xuất giống cây trồng 1. Sản xuất giống cây trồng nông nghiệp

- Treo sơ đồ H3.2 / 13 SGK phóng to. - Cho HS thảo luận nhóm thông qua hệ thống câu hỏi? + Quy trình sản xuất cây trồng tự thụ phấn từ hạt tác giả diễn ra trong mấy năm ? Nhiệm vụ từng năm? + trong sản xuất đã áp dụng hình thức chọn lọc nào? + Chọn lọc phục tráng có khác gì với chọn lọc duy trì?	- Chọn lọc cá thể năm thứ 1 và năm thứ 2 - Khác: có chọn lọc hàng loạt bằng thí nghiệm ss để có được hạt SNC, dó đó t.g sx dài hơn. - 6 nhóm thảo luận - Nhóm 1 & 2 - Nhóm 3 & 4 - Nhóm 5 & 6 - Đại diện các nhóm lần lượt trả lời. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.	a. Cây tự thụ phấn: - Theo 2 sơ đồ: + Duy trì. Các giống mới chọn tạo do tác giả cung cấp hoặc hạt siêu nguyên chủng được SX theo <u>sơ đồ duy trì</u>: + Năm 1 : Gieo hạt, chọn cây ưu tú. + Năm 2 : Gieo hạt cây ưu tú, thu hoạch chung các dòng đúng giống gọi là hạt SNC. + Năm 3: Nhân giống NC từ SNC. + Năm 4: Sản xuất giống XN từ giống NC. + Phục tráng: Các giống nhập nội, các giống bị thoái hoá (vật liệu khởi đầu) thì sản xuất giống theo <u>sơ đồ phục tráng</u>: - Năm 1: gieo hạt tác giả (SNC) → chọn cây ưu tú. - Năm 2: gieo hạt cây ưu tú thành từng dòng → hạt SNC. - Năm 3: Nhân giống siêu nguyên chủng → giống nguyên chủng. - Năm 4: Sản xuất hạt giống xác nhận từ giống NC. - gieo hạt của VLKĐ (cần phục tráng) → chọn cây ưu tú. - gieo hạt cây ưu tú thành từng dòng, CL hạt của 4 -5 dòng tốt nhất → đánh giá lần 1. - chia hạt tốt nhất thành 2 phần nhân sơ bộ và so sánh giống. ⇒ thu hạt SNC đã phục tráng. Nhân hạt SNC → hạt NC. - Năm 5: Sản xuất hạt giống xác nhận từ giống NC.
---	---	--

c. Củng cố:(3') Trình bày quy trình sản xuất của :
+ Cây tự thụ phấn.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Trả lời câu hỏi SGK
- Đọc và chuẩn bị bài 4. sản xuất giống cây trồng

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 31/08/2012

Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:	9 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 4

Bài 4: SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Mục tiêu

a. Kiến thức Học xong bài này, học sinh cần:

- Biết được mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.
- Nắm được hệ thống sản xuất giống cây trồng.
- Biết được quy trình sản xuất giống cây trồng.

b. Kỹ năng - Quan sát, phân tích, so sánh.

c. Thái độ : - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ giống tốt, quý của địa phương
- Có ý thức lựa chọn giống phù hợp với điều kiện giống của địa phương.

2. Chuẩn bị

- a. GV:**
- N/c SGK.
 - Soạn giáo án
 - Sơ đồ H 3.1, H 3.2, H3.3, H 4.1, Tranh vẽ H 4.2.
 - Phiếu học tập (Cuối bài)
 - Phương pháp: Vấn đáp tìm tòi, thảo luận nhóm, quan sát tìm tòi.

b. HS: Đọc bài mới trước ở nhà, - Chú ý trong giờ học.

3. Tiến trình:

a. Ổn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ(4')**

- Câu hỏi: Để giống mới được đưa vào sản xuất đại trà thì phải qua các TN khảo nghiệm nào?

Mục đích các thí nghiệm?

- Đáp án: **Các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng**

1-Thí nghiệm so sánh giống

-**Mục đích:** So sánh giống mới chọn tạo hoặc nhập nội với các giống phổ biến rộng rãi trong sản xuất đại trà về các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng nông sản và tính chống chịu với điều kiện ngoại cảnh không thuận lợi.

2-Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật

-**Mục đích:** Nhằm kiểm tra những đề xuất của cơ quan chọn tạo giống về quy trình kỹ thuật gieo trồng.

-**Phạm vi tiến hành:** Tiến hành trong mạng lưới khảo nghiệm giống Quốc gia nhằm xác định thời vụ, mật độ gieo trồng, chế độ phân bón của giống...Trên cơ sở đó, người ta xây dựng quy trình kỹ thuật gieo trồng để mở rộng sản xuất ra đại trà.

Nếu giống khảo nghiệm đáp ứng được yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng nhận giống Quốc gia và được phép phổ biến trong sản xuất.

3-Thí nghiệm sản xuất quảng cáo

-**Mục đích:** Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà, cần bố trí thí nghiệm sản xuất quảng cáo.

-**Phạm vi tiến hành:** Được triển khai trên diện rộng. Trong thời gian thí nghiệm, cần tổ chức hội nghị đầu bờ để khảo sát, đánh giá kết quả. đồng thời cần phải phổ biến quảng cáo trên thông tin đại chúng để mọi người biết về giống mới.

* **Đặt vấn đề: (1')** Trong trồng trọt lâm nghiệp, giống luôn là vấn đề được coi trọng hàng đầu, để đảm bảo có đủ số lượng giống cần thiết với chất lượng cao thì việc sản xuất giống là rất quan trọng. Vậy công việc đó như thế nào chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học này:

b. Bài mới:

HD1:(20p) Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng nông nghiệp (tiếp)

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Treo sơ đồ H4.1/15 SGK phóng to cho HS thảo luận 5 phút: + Thế nào là thụ phấn chéo? + Vì sao cần chọn ruộng sản xuất hạt giống ở khu cách ly? + Để đánh giá thể hệ chọn lọc ở vụ 2, 3 tại sao phải loại bỏ những cây không đạt yêu cầu từ trước khi cây tung phấn? - Gọi các nhóm lần lượt trả lời; nhận xét, bổ sung. Đối với cây trồng có hình thức sinh sản sinh dưỡng là chủ yếu thì quy trình sản xuất giống không phải là tạo ra hạt giống mà là tạo ra cây giống - Yêu cầu HS đọc mục c / 16 rút ra ý chính.	+ Là hình thức sinh sản mà nhụy của hoa được thụ phấn từ hạt phấn của cây khác. VD: ngô, vừng... + Không để cho cây giống được thụ phấn từ những cây không mong muốn trên đồng ruộng, đảm bảo độ thuần khiết của giống). + Không để cho những cây xấu được tung phấn nên không có đk phát tán hạt phấn vào những cây tốt). - HS đọc mục c / 16 rút ra ý chính. - Thời gian sinh trưởng dài.	III. Quy trình sản xuất giống cây trồng 1. Sản xuất giống cây trồng nông nghiệp b. Cây thụ phấn chéo: * Vụ 1: - Chọn khu cách ly. - Chia thành 500 ô; gieo hạt giống SNC. - Chọn 1 cây / mỗi ô để lấy hạt. * Vụ 2: - Gieo hạt / cây đã chọn thành từng hàng. - Chọn 1 cây / hàng để lấy hạt. - Loại bỏ những hàng cây, cây xấu không đạt yêu cầu khi chưa tung phấn. - Thu hạt những cây còn lại trộn lẫn → hạt SNC. * Vụ 3: Gieo hạt SNC → nhân giống. Chọn lọc, loại bỏ cây không đạt yêu cầu → hạt nguyên chủng. *Vụ 4: Nhân hạt nguyên chủng. Chọn lọc → hạt xác nhận. c. Cây trồng nhân giống vô tính. - Gđ1: sản xuất giống SNC = pp chọn lọc. +Cây lấy củ: chọn lọc hệ củ (khoai...) +Cây lấy thân: chọn lọc cây mẹ ưu tú (mía, sắn...) +Chọn cây mẹ làm gốc ghép. - Gđ2: tổ chức sản xuất giống NC từ

		SNC. - Gđ3: tổ chức sản xuất giống đạt tiêu chuẩn thương phẩm (giống xác nhận).
--	--	---

HD2: (15p) Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng:

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Cây rừng có những đặc điểm gì khác cây lương thực thực phẩm? - Yêu cầu HS đọc mục 2 /16 SGK rút ra ý chính.	- HS đọc mục 2 /16 SGK rút ra ý chính.	2. Sản xuất giống cây rừng - 2 giai đoạn: + Gđ 1: Sx giống SNC và NC thực hiện theo cách chọn lọc các cây trội đạt tiêu chuẩn SNC để xd rừng giống hoặc vườn giống. + Gđ 2: nhân giống cây rừng ở rừng giống hoặc vườn giống để cung cấp giống cho sản xuất có thể bằng hạt, bằng giâm hom hoặc bằng pp nuôi cấy mô.

c. Củng cố:(3') So sánh quy trình sản xuất của :

- + Cây tự thụ phấn.
- + Cây thụ phấn chéo.

	Cây tự thụ phấn	Cây thụ phấn chéo
Giống nhau	- Điều trải qua 3 giai đoạn sản xuất hạt SNC, NC, hạt xác nhận.	
Khác nhau	- Vật liệu khởi đầu là hạt tác giả/ hạt nhập nội/ hạt cần phục tráng. - Không yêu cầu cách ly cao.	- Vật liệu khởi đầu là hạt SNC: hạt tác giả. - Yêu cầu cách ly cao.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Trả lời câu hỏi SGK
- Đọc và chuẩn bị bài thực hành. Phân công các nhóm chuẩn bị hạt giống: đậu, lúa, ngô...

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 15/09/2012

Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 5

Bài 5: Thực hành: **XÁC ĐỊNH SỨC SỐNG CỦA HẠT**

1. Mục tiêu

Học xong bài này, học sinh cần:

a. Kiến thức:

- Biết được quy trình thực hành.
- Xác định được sức sống của hạt ở 1 số cây trồng

b. Kỹ năng - Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo.

- Quan sát; thao tác, viết thu hoạch

c. Thái độ : - Có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Giữ gìn vệ sinh, an toàn lao động

2. Chuẩn bị

a. GV: - Hạt giống, hộp pectri, panh, lam kính, lamén, dao, giấy thấm..

- Chuẩn bị thuốc thử:

+ 1g carmin + 10 ml cồn 96⁰C + 90 ml H₂O cất ⇒ dd A

+ 2 ml H₂SO₄ đặc (d = 1,84) + 98 ml H₂O cất ⇒ dd B.

+ Lấy 20 ml dd b + ddA ⇒ thuốc thử.

- GV làm thử thí nghiệm theo đúng các quy trình thực hành để đảm bảo thành công khi hướng dẫn HS.

b. HS: - Chuẩn bị thêm hạt giống, dao cắt theo phân công.

- Đọc quy trình bài thực hành / 17 -18 SGK.

3. Tiến trình:

a. Ôn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ (5')**

CH 1: Em hãy trình bày mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng và hệ thống sản xuất giống cây trồng?

ĐA: . Mục đích

- Duy trì, củng cố độ thuần chủng, sức sống và tính trạng điển hình của giống.
- Tạo ra số lượng giống cần thiết cc cho sản xuất đại trà.
- Đưa giống tốt nhanh phổ biến vào sản xuất.

Hệ thống sản xuất giống cây trồng

- Bắt đầu: khi nhận hạt giống do cơ sở nhà nước cung cấp.
- Kết thúc: có được hạt giống xác nhận.

- gồm 3 giai đoạn:

* Sản xuất hạt siêu nguyên chủng: Chất lượng và độ thuần khiết cao.

* Sản xuất hạt giống nguyên chủng từ siêu nguyên chủng: chất lượng cao.

* Sản xuất hạt giống xác nhận: cung cấp cho sản xuất đại trà.

CH2: Em hãy So sánh quy trình sản xuất của cây tự thụ phấn và cây thụ phấn chéo?

ĐA: So sánh quy trình sản xuất của :

- + Cây tự thụ phấn.
- + Cây thụ phấn chéo.

	Cây tự thụ phấn	Cây thụ phấn chéo
Giống nhau	- Điều trải qua 3 giai đoạn sản xuất hạt SNC, NC, hạt xác nhận.	
Khác nhau	- Vật liệu khởi đầu là hạt tác giả/ hạt nhập nội/ hạt cần phục tráng. - Không yêu cầu cách ly cao.	- Vật liệu khởi đầu là hạt SNC: hạt tác giả. - Yêu cầu cách ly cao.

*** Đặt vấn đề: (1')** Hạt giống là nguyên liệu khởi đầu quan trọng trong trồng trọt, nó quyết định đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây trồng. Tỷ lệ hạt nảy mầm là một yếu tố quan trọng trong các tiêu chí chọn hạt giống. Xác định tỷ lệ nảy mầm của hạt là việc làm cần thiết. Bài thực hành hôm nay sẽ giúp các em làm được điều đó:

b. Bài mới:

HD1:(5p) *Phân chia nhóm thực hành và dụng cụ thực hành cho từng nhóm:*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Phân chia vị trí các nhóm. - Giới thiệu phương tiện thực hành. - GV pha sẵn thuốc thử theo hướng dẫn. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS. - Chia 50 hạt giống / 1 nhóm. - Lọ thuốc thử để trên bàn giáo viên dùng chung cho các nhóm. - Yêu cầu HS kiểm tra lại phương tiện thực hành ; nếu thiếu thì báo ngay.	- Hoạt động theo nhóm - Lắng nghe. - Tập trung nguyên liệu cần thực hành. - Kiểm tra lại phương tiện; dụng cụ thực hành.	

HD2: (30p) *Hướng dẫn các nhóm thao tác thực hành..*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- GV giới thiệu quy trình các bước thực hành (vừa làm vừa giới thiệu).	- Các tổ nhóm theo dõi tiến trình bài thực hành - Tiến hành thao tác thực hành. - Trong lúc chờ thuốc thử	I. Quy trình thực hành: * Bước 1: lấy mẫu: 50 hạt giống, dùng giấy thấm lau sạch → đặt vào hộp petri sạch.

- Kiểm tra từng nhóm. - Lưu ý: hoá chất ở bước 3 làm cẩn thận nếu không lau sạch thuốc thử còn dính trên hạt thì khi cắt hạt quan sát không được chính xác. - Yêu cầu các nhóm kiểm tra kết quả: 1 HS cắt hạt; HS khác chú ý ghi nhận và đếm số hạt. - Theo dõi HS, nhắc nhở HS làm đúng quy trình, giữ vệ sinh. - Giải thích các kí hiệu công thức + A%: sức sống của hạt. + B: Số hạt sống. + C: Tổng số hạt thử. - Yêu cầu HS đánh giá về tỉ lệ hạt sống. - Nhận xét về ý thức tổ chức, kỷ luật, vệ sinh phòng học... - Yêu cầu HS nộp bài báo cáo.	- ngắm vào hạt thì HS ghi tóm tắt quy trình thực hành theo mẫu. - Nghe và làm chính xác. - 1 HS cắt hạt; HS khác chú ý ghi nhận và đếm số hạt. - Dựa vào A% để đánh giá sức sống của hạt. - Lên bảng ghi kết quả thực hành của từng nhóm.	* Bước 2: dùng ống hút lấy thuốc thử cho ngập hạt giống. Ngâm trong 10 – 15 phút. * Bước 3: gắp hạt giống ra giấy thấm; lau thật sạch hạt. * Bước 4: Dùng panh cặp chặt hạt để trên lam kính; dùng dao cắt ngang hạt → quan sát nội nhũ. + Nếu nội nhũ bị nhuộm màu → hạt chết. + Nếu nội nhũ không nhuộm màu → hạt sống. * Bước 5: Xác định sức sống của hạt bằng cách: + Đếm số hạt sống và hạt chết. + Tính tỉ lệ hạt sống = $A\% = B / C * 100\%$
--	---	---

c. củng cố:(3')

- Tuy từng nhóm có kết quả A% khác nhau nhưng với cả lớp số hạt đánh giá nhiều hơn, do đó xác suất sai số ít hơn, tỉ lệ chung này rất đáng tin cậy.
- Nhận xét, đánh giá bài báo cáo.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Đọc trước bài 6, tóm tắt quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 22/09/2012

Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 9 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 6

Bài 6: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NUÔI CẤY MÔ TẾ BÀO TRONG NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

1. Mục tiêu

a. Kiến thức: Học xong bài này, học sinh cần:

- Hiểu được khái niệm nuôi cấy mô tế bào, cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Biết được nội dung cơ bản của quy trình công nghệ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào

b. Kỹ năng

- Thực hiện được một số thao tác kỹ thuật cơ bản trong quy trình công nghệ nuôi cấy mô tế bào.

c. Thái độ :

- Ham hiểu biết khoa học công nghệ, có ý thức say sưa học tập hơn.

2. Chuẩn bị

a. GV:- Sưu tầm một số tranh ảnh giới thiệu phương pháp nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào.

- Sơ đồ quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- N/c SGK.
- Soạn giáo án
- Phương pháp: Vấn đáp tìm tòi, đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với phương pháp giải thích minh họa và trực quan.

b. HS: Đọc bài mới trước ở nhà

3. Tiến trình:

a. Ôn định lớp (1')

* **Kiểm tra bài cũ:** Lòng trong bài mới.

* **Đặt vấn đề: (1')**

GV đặt vấn đề qua câu hỏi: Để tạo ra nhiều giống cây trồng phong phú đa dạng người ta áp dụng biện pháp truyền thống gì? Với thời gian bao lâu?

GV: Các phương pháp chọn và nhân giống cây truyền thống thường kéo dài và tốn nhiều vật liệu giống, tốn nhiều diện tích. Ngày nay nhờ ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, các nhà tạo giống đã đề ra phương pháp tạo và nhân giống mới vừa nhanh , tốn ít vật liệu, diện tích. Bài hôm nay chúng ta nghiên cứu về phương pháp đó.

b. Bài mới:

HD1:(20p) *Tìm hiểu khái niệm và cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô Tế bào.*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Cơ thể các loài thực vật được cấu tạo như thế nào? - Các tế bào thực vật có thể sống khi tách rời khỏi cây mẹ không? Cần có những điều kiện gì? - Những tế bào được nuôi sống trong môi trường nhân tạo này sẽ phát triển như thế nào? - Vậy thế nào là nuôi cấy mô tế bào? HS thảo luận nhóm qua các câu hỏi gợi ý sau: - Tế bào thực vật có các hình thức sinh sản nào? - Vì sao một tế bào có thể phát triển thành một cây hoàn chỉnh? - Em hiểu thế nào về tính toàn năng của tế bào thực vật? - Em hãy trình bày quá trình phân chia, phân hóa, phản phân hóa tế bào thực vật? - Em hãy nêu bản chất của kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào ?	HS: đọc phần I trong SGK, kết hợp quan sát tranh ảnh, mẫu vật về nuôi cấy mô tế bào và trả lời các câu hỏi của GV - HS thảo luận và đọc SGK trả lời các câu hỏi ghi ra giấy . - Tế bào thực vật có tính toàn năng ,chứa hệ gen giống như tất cả những tế bào sinh dưỡng khác đều có khả năng sinh sản vô tính tạo thành cơ thể hoàn chỉnh - HS n/c SGK trả lời câu hỏi	<u>I. Khái niệm về phương pháp nuôi cấy mô tế bào</u> Là phương pháp tách rời mô, tế bào đem nuôi cấy trong môi trường thích hợp và vô trùng để chúng tiếp tục phân bào rồi biệt hóa thành mô cơ quan và phát triển thành cây mới. <u>II. Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô TB</u> <u>1. Cơ sở khoa học</u> - Tính toàn năng tế bào: + TB chứa hệ gen qui định loài đó, mang toàn bộ lượng thông tin của loài. + Có thể sinh sản vô tính khi nuôi cấy trong môi trường thích hợp - Khả năng phân chia tế bào. - Sự phân hóa tế bào: Là quá trình từ tế bào phôi sinh biến đổi thành TB chuyên hóa đảm nhận các chức năng khác nhau - Sự phản phân hóa tế bào: Là quá trình chuyên tế bào chuyên hóa về TB phôi sinh và phân chia mạnh mẽ. <u>2. Bản chất của kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào</u> Là kỹ thuật điều khiển sự phát sinh hình thái của tế bào thực vật một cách định hướng dựa vào sự phân hóa, phản phân hóa trên cơ sở tính toàn năng của tế bào thực vật khi được nuôi cấy tách rời trong điều kiện nhân tạo, vô trùng.

HD2: (21p) *Tìm hiểu quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Phương pháp NCMTB có ưu nhược điểm gì? GV treo sơ đồ Quy trình công nghệ nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào <pre> graph TD A[CHỌN VẬT LIỆU NUÔI CÂY] --> B[KHỬ TRÙNG] B --> C[TẠO CHỒI] C --> D[TẠO RỄ] D --> E[CÁY CÂY VÀO MÔI TRƯỜNG THÍCH ỨNG] E --> F[TRỒNG CÂY TRONG VƯỜN ƯƠM] </pre> - Quan sát sơ đồ cho biết các bước của quy trình	- Trả lời HS quan sát biểu đồ quy trình công nghệ nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào, đọc SGK phần III thảo luận và mô tả quy trình : Vẽ sơ đồ vào vở	<u>III. Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào</u> <u>1. Ý nghĩa</u> * <u>Ưu điểm</u>: - Nhân với số lượng lớn, trên quy mô CN - Sản phẩm sạch bệnh và đồng nhất về di truyền - Hệ số nhân giống cao VD: + 1 củ khoai tây sau 8 tháng nhân giống thu được 2 tỷ mầm giống đủ trồng cho 40 ha. + 1 chồi dừa sau 1 năm tạo được 116.649 cây * <u>Nhược điểm</u>: - Tốn kém kinh phí, công sức - Đòi hỏi trình độ kĩ thuật cao. <u>2. Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào</u> a-<u>Chọn vật liệu nuôi cấy</u>: - Là tế bào của mô phân sinh. - Không bị sâu bệnh (virut) được trồng trong buồng cách li để tránh hoàn toàn các nguồn lây bệnh. b-<u>Khử trùng</u>: - Phân cắt đỉnh sinh trưởng của vật liệu nuôi cấy thành các phân tử nhỏ. - Tẩy rửa bằng nước sạch và khử trùng. c-<u>Tạo chồi trong môi trường nhân tạo</u>: - Mầm được nuôi cấy trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo để tạo chồi - Môi trường dinh dưỡng: MS d-<u>Tạo rễ</u>: - Khi chồi đã đạt chuẩn kích thước (về chiều cao) thì tách chồi và cấy chuyển sang môi trường tạo rễ - Bổ sung chất kích thích sinh trưởng (NAA, IBA) e-<u>Cấy cây vào môi trường thích ứng</u> để cây thích nghi dần với điều kiện tự nhiên. f-<u>Trồng cây trong vườn ươm</u>: - Sau khi cây phát triển bình thường và đạt tiêu chuẩn cây giống, chuyển cây ra vườn ươm. * <u>Ứng dụng nuôi cấy mô</u>: Nhân nhanh được nhiều giống cây lương

công nghệ nuôi cấy mô tế bào ? - Vật liệu nuôi cấy lấy từ bộ phận nào của cây và phải đảm bảo yêu cầu gì? - Tế bào mô phân sinh sau khi đã khử trùng được nuôi cấy trong môi trường nào ? Nhằm mục đích gì? - Kể tên một số giống cây trồng được nhân lên bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào ? - Cho các nhóm trao đổi, mời đại diện của từng nhóm trình bày một nội dung trong quy trình, gv bổ sung và tóm tắt.	- HS thảo luận nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	thực, thực phẩm (lúa chịu mặn, kháng đạo ôn, khoai tây, suplơ, măng tây...), giống cây nông nghiệp (mía, cà phê...), giống cây hoa (cẩm chướng, đồng tiền, lili...), cây ăn quả (chuối, dứa, dâu tây...), cây lâm nghiệp (bạch đàn keo lai, thông, tùng, trầm hương...)
--	--	--

c. Củng cố:(3')

Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1: Nuôi cấy mô TB là pp:

- Tách TBTV rồi nuôi cấy trong MT cách li để TBTV có thể sống và phát triển thành cây trưởng thành.
- Tách TBTV rồi nuôi cấy trong MT dinh dưỡng thích hợp giống như trong cơ thể sống, giúp TB phân chia, biệt hoá thành mô, cơ quan và phát triển thành cây hoàn chỉnh.
- Tách mô TB, giâm trong MT có các chất kích thích để mô phát triển thành cơ quan và cây trưởng thành.
- Tách mô TB nuôi dưỡng trong MT có các chất kích thích để tạo chồi, tạo rễ và phát triển thành cây trưởng thành.

Câu 2: Đặc điểm của TBTV chuyên biệt:

- Mang hệ gen giống nhau, có màng xenlulô, có khả năng phân chia.
- Có tính toàn năng, có khả năng phân chia vô tính.
- Có tính toàn năng, đã phân hoá nhưng không mất khả năng biến đổi và có khả năng phản phân hoá.
- Có tính toàn năng, nếu được nuôi dưỡng trong MT thích hợp sẽ phân hoá thành cơ quan.

(Đáp án: 1b, 2c)

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

Trả lời câu hỏi SGK

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 29/09/2012

Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B5

Tiết 7

Bài 7: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG

1. Mục tiêu

a. Kiến thức: Học xong bài này, học sinh cần:

- Biết được keo đất là gì. Thế nào là khả năng hấp phụ của đất, thế nào là phản ứng của dung dịch đất và độ phì nhiêu của đất.

b. Kỹ năng :- Phát triển kỹ năng quan sát, so sánh, khái quát, tổng hợp

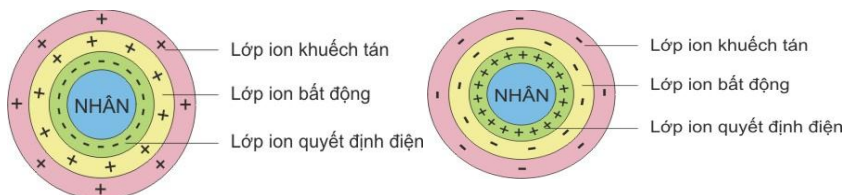
c. Thái độ :- Bảo vệ, cải tạo đất bằng những biện pháp kỹ thuật thích hợp.

- Trong trồng trọt cần phải bón phân hợp lí, cải tạo đất để bảo vệ môi trường.

2. Chuẩn bị

a. GV:

- Soạn giáo án
- Sơ đồ hình 7-SGK.



- Phiếu học tập số 1

So sánh keo âm và keo dương:

Chỉ tiêu so sánh			Keo âm	Keo dương
Nhân	(Có hay không)			
Lớp ion (mang điện tích gì)	- Lớp ion quyết định điện			
	- Lớp ion bù	+ ion bất động. + ion khuếch tán		

- Phương pháp: Trực quan, vấn đáp tìm tòi.

b. HS:

- Đọc trước nội dung bài mới.
- Chú ý trong giờ học

3. Tiến trình:

a. Ôn định lớp (1')

* Kiểm tra bài cũ(5')

CH 1/ Nêu cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.

ĐA: Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô TB

Cơ sở khoa học

- Tính toàn năng tế bào:

+ TB chứa hệ gen qui định loài đó, mang toàn bộ lượng thông tin của loài.

- + Có thể sinh sản vô tính khi nuôi cấy trong môi trường thích hợp
- Khả năng phân chia tế bào.
- Sự phân hóa tế bào: Là quá trình từ tế bào phôi sinh biến đổi thành TB chuyên hóa đảm nhận các chức năng khác nhau
- Sự phản phân hóa tế bào: Là quá trình chuyển tế bào chuyên hóa về TB phôi sinh và phân chia mạnh mẽ.

Bản chất của kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào

Là kỹ thuật điều khiển sự phát sinh hình thái của tế bào thực vật một cách định hướng dựa vào sự phân hóa, phản phân hóa trên cơ sở tính toàn năng của tế bào thực vật khi được nuôi cấy tách rời trong điều kiện nhân tạo, vô trùng.

CH 2/ Vẽ sơ đồ và trình bày quy trình công nghệ nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô tế bào?

ĐA: **Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào**

a-**Chọn vật liệu nuôi cấy:**

- Là tế bào của mô phân sinh.
- Không bị sâu bệnh (virut) được trồng trong buồng cách li để tránh hoàn toàn các nguồn lây bệnh.

b-**Khử trùng:**

- Phân cắt đỉnh sinh trưởng của vật liệu nuôi cấy thành các phân tử nhỏ.
- Tẩy rửa bằng nước sạch và khử trùng.

c-**Tạo chồi trong môi trường nhân tạo:**

- Mẫu được nuôi cấy trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo để tạo chồi
- Môi trường dinh dưỡng: MS

d-**Tạo rễ:**

- Khi chồi đã đạt chuẩn kích thước (về chiều cao) thì tách chồi và cấy chuyển sang môi trường tạo rễ
- Bổ sung chất kích thích sinh trưởng (NAA, IBA)

e-**Cấy cây vào môi trường thích ứng để cây thích nghi dần với điều kiện tự nhiên.**

f-**Trồng cây trong vườn ươm:**

- Sau khi cây phát triển bình thường và đạt tiêu chuẩn cây giống, chuyển cây ra vườn ươm.

* ***Ứng dụng nuôi cấy mô:*** Nhân nhanh được nhiều giống cây lương thực, thực phẩm (lúa chịu mặn, kháng đạo ôn, khoai tây, suplor, măng tây...), giống cây nông nghiệp (mía, cà phê...), giống cây hoa (cẩm chướng, đồng tiền, lili...), cây ăn quả (chuối, dứa, dâu tây...), cây lâm nghiệp (bạch đàn keo lai, thông, tùng, trầm hương...)

* ***Đặt vấn đề: (1')*** Đất là tài nguyên vô cùng quý giá, cây trồng cần có đất, con người cần có đất để canh tác, đất gắn liền với cuộc sống của chúng ta. Để sử dụng đất có hiệu quả chúng ta cần phải hiểu về tính chất của đất. Trong bài hôm nay sẽ giúp các em giải quyết vấn đề này.

b. Bài mới:

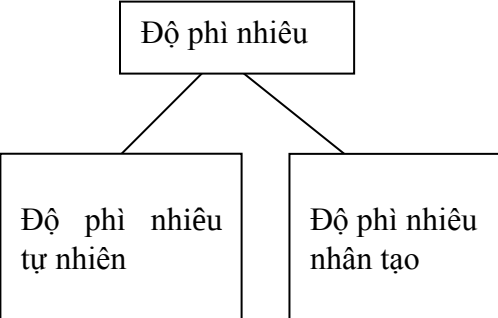
HD1:(13p) *Tìm hiểu về keo đất và khả năng hấp phụ của đất:*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
GV gọi 2 HS lên làm thí nghiệm về tính chất hoà tan của đất và lấy đường làm đối chứng: 2 cốc thủy tinh: + Cốc1: Đựng đất bột, đổ nước sạch vào khuấy đều. + Cốc 2: Đựng đường già nhỏ cho nước sạch vào. Nhận xét sự khác nhau	HS quan sát TN và nêu: * Hiện tượng: - Cốc 1: Nước đục - Cốc 2: Nước trong. *Giải thích: Đường đã hoà tan trong nước nên trong, còn	I. <u>Keo đất và khả năng hấp phụ của đất.</u> 1. <u>Keo đất</u> a. <u>Khái niệm</u> Là những phần tử có kích thước <1µm, không hòa tan trong nước mà ở trạng thái huyền phù (trạng thái lơ lửng trong nước).

là đất chua? * GV liên hệ: Đất lâm nghiệp phần lớn là chua và rất chua, pH < 6,5 Đất nông nghiệp, trừ đất phù sa trung tính ít chua (đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long), đất mặn kiềm. Các loại đất còn lại đều chua. Đặc biệt đất phèn hoạt động rất chua, pH < 4. ND tích hợp: - Giúp HS thấy được tác hại của bón quá nhiều và bón liên tục một số loại phân vô cơ sẽ làm cho đất chua (do tăng nồng độ ion H^+ trong đất)	dung dịch đất trong sản xuất giúp ta xác định các giống cây trồng phù hợp với từng loại đất và đề ra các biện pháp cải tạo đất. HS nghiên cứu SGK và trả lời	Phản ứng của dung dịch đất Phản ứng chua (H^+, Al^{3+}) Phản ứng kiềm (Na_2CO_3) Độ chua hoạt tính (H^+ trong dung dịch đất) Độ chua tiềm tàng (H^+, Al^{3+} trên bề mặt keo đất) 2. Phaân ồng kiềam cuôa ãaát: -Đất chứa các muối kiềm Na_2CO_3, $CaCO_3$..., các muối này thủy phân tạo thành các NaOH và $Ca(OH)_2$ làm cho đất kiềm hóa. * Ý nghĩa trong sản xuất nông nghiệp: Bố trí cây trồng cho phù hợp, bón phân, bón vôi để cải tạo độ phì nhiêu của đất.
--	--	--

HD3: (7p) Tìm hiểu độ phì nhiêu của đất:

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Làm thế nào để cải tạo độ chua của đất? <u>Liên hệ:</u> Bón quá nhiều phân hoá học dẫn đến hậu quả gì? Vậy nhiệm vụ của người sản xuất nông nghiệp khắc phục hậu quả trên như thế nào? - Đất được coi là phì nhiêu phải có những đặc điểm gì? - Vậy làm cách nào để người ta tăng độ phì nhiêu của đất? - Dựa vào nguồn gốc hình	Phơi ải, nuôi bèo hoa dâu, làm phân xanh, làm thủy lợi... Bón quá nhiều và bón liên tục một số loại phân vô cơ sẽ làm cho đất chua (do tăng nồng độ ion H^+ trong đất) Đất thoái hóa, bạc màu, cần cỗi, dinh dưỡng mất cân đối, vi sinh vật bị phá hủy, tồn dư chất độc hại. - Đất tơi xốp, giữ được phân và chất khoáng cần thiết cho cây, đủ oxi cho hoạt động của vi sinh vật và rễ cây.	III. Độ phì nhiêu của đất 1- <u>Khái niệm</u> Là khả năng của đất cung cấp đồng thời và không ngừng nước, chất dinh dưỡng, không chứa các chất độc hại cho cây, bảo đảm cho cây đạt năng suất cao.

thành, độ phì nhiêu của đất được chia làm mấy loại? Là gì? Độ phì nhiêu của đất được chia là mấy loại?	- Chăm sóc tốt, bón phân hợp lí (Phơi ải, nuôi bèo hoa dâu, làm phân xanh, làm thủy lợi...)	2 – <u>Phân loại</u>  <pre> graph TD A[Độ phì nhiêu] --> B[Độ phì nhiêu tự nhiên] A --> C[Độ phì nhiêu nhân tạo] </pre>
--	--	--

c. Củng cố:(2') Chọn câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: *Keo đất là các phần tử có đặc điểm:*

- A. Hoà tan trong nước, lớp vỏ ngoài mang điện tích dương.
- B. Không hoà tan trong nước, lớp vỏ ngoài mang điện tích âm.
- C. Không hoà tan trong nước, ngoài nhân là 3 lớp vỏ ion có thể mang điện tích (-) hoặc (+).
- D. Không hoà tan trong nước, ngoài nhân có 2 lớp điện tích trái dấu là lớp ion quyết định điện và lớp ion bù.

Câu 2: *Khả năng hấp phụ của đất là khả năng:*

- A. Giữ lại chất dinh dưỡng, các phần tử nhỏ nhưng không làm biến chất, hạn chế sự rửa trôi.
- B. Giữ lại nước, oxi, do đó giữ lại được các chất hoà tan.
- C. Giữ lại chất dinh dưỡng, các phần tử nhỏ làm biến chất, hạn chế sự rửa trôi.
- D. Giữ lại chất dinh dưỡng, đảm bảo nước thoát nhanh chóng.

Câu 3: *Phản ứng chua của đất được đo bằng trị số pH, nếu:*

- A. $\text{pH} < 7$ – đất trung tính.
- B. $\text{pH} < 7$ – đất kiềm.
- C. $\text{pH} > 7$ – đất chua.
- D. $\text{pH} > 7$ – đất chua.

(ĐA: 1D, 2A, 3C.)

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Trả lời câu hỏi cuối bài trong SGK.
- Chuẩn bị bài thực hành: mỗi nhóm 2 – 3 mẫu đất khô, mỗi mẫu khoảng bằng $\frac{1}{2}$ bao diêm đựng vào túi nilông nhỏ, 1 thìa nhựa hoặc 1 thìa sứ màu trắng.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 6/10/2012

Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 10 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 8

Bài 8: Thực hành: XÁC ĐỊNH ĐỘ CHUA CỦA ĐẤT

1. Mục tiêu

Học xong bài này, học sinh cần:

a. Kiến thức:

- Biết được quy trình thực hành.
- Xác định được độ chua của một số loại đất trồng phổ biến của địa phương.

b. Kỹ năng - Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo.

- Quan sát; thao tác, viết thu hoạch

c. Thái độ : - Có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Giữ gìn vệ sinh, an toàn lao động

2. Chuẩn bị

a. GV:

b. HS:

3. Tiến trình:

a. Ổn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ (5')**

CH: Em hãy trình bày khái niệm và cấu tạo của keo đất. Khả năng hấp phụ của đất.

ĐA:

a. Khái niệm

Là những phần tử có kích thước $< 1\mu\text{m}$, không hòa tan trong nước mà ở trạng thái huyền phù (trạng thái lơ lửng trong nước).

b- Cấu tạo keo đất: Gồm:

- Nhân keo.
- Lớp ion quyết định điện:
 - + Mang điện âm: Keo âm.
 - + Mang điện dương: Keo dương.
- Lớp ion bù gồm 2 lớp:
 - + Lớp ion bất động.
 - + Lớp ion khuếch tán

* Keo đất có khả năng trao đổi ion của mình ở ion khuếch tán với các ion của dung dịch đất. Đây chính là cơ sở của sự trao đổi dinh dưỡng giữa đất và cây trồng.

Khả năng hấp phụ của đất :

Là khả năng đất giữ lại các chất dinh dưỡng, các phân tử nhỏ như hạt limon, hạt sét...; hạn chế sự rửa trôi.

*** Đặt vấn đề: (1')** Phản ứng của dung dịch đất chỉ tính chua, tính kiềm hay trung tính của dung dịch đất. Độ chua của đất được xác định bằng chỉ số pH. Khi $pH > 7$ là đất kiềm, $pH = 7$ là đất trung tính. $pH < 7$ là đất chua. Vậy, để xác định độ chua của đất chúng ta làm thí nghiệm trong bài thực hành hôm nay.

b. Bài mới:

HD1:(5p) *Phân chia nhóm thực hành và dụng cụ thực hành cho từng nhóm:*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Phân chia vị trí các nhóm. - Giới thiệu phương tiện thực hành. - GV pha sẵn thuốc thử theo hướng dẫn. - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS. - Yêu cầu HS kiểm tra lại phương tiện thực hành ; nếu thiếu thì báo ngay.	- Hoạt động theo nhóm - Lắng nghe. - Tập trung nguyên liệu cần thực hành. - Kiểm tra lại phương tiện; dụng cụ thực hành.	

HD2: (30p) *Hướng dẫn các nhóm thao tác thực hành..*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Giới thiệu các dụng cụ và hóa chất cần sử dụng trong bài thực hành. - GV giới thiệu quy trình thực hành và làm mẫu. - Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm đúng quy trình, đảm bảo vệ sinh, an toàn, cẩn thận.	- Nghe và quan sát - Chú ý quan sát. - Mỗi nhóm thực hiện thí nghiệm với 3 mẫu đất đã chuẩn bị, mỗi mẫu làm 3 lần được 3 trị số pH, sau đó lấy trị số trung bình.	I. <u>Dụng cụ, hoá chất</u> 1.- Mẫu đất khô đã nghiền nhỏ (2 loại): 20g/loại. 2.- Máy đo pH 3.- Đồng hồ bấm giây (đồng hồ đeo tay). 4.- Dung dịch KCl 1N. 5.- Nước cất. 6.- Bình tam giác (bình hình nón) dung tích 100ml: 2 cái. 7.- Ống đong dung tích 50 ml: 2 cái. 8.- Cân kỹ thuật. 9.- Cối sứ + Chày sứ: 1 bộ. II. <u>Quy trình thực hành</u>   * <u>Bước 1:</u> Cân 2 mẫu đất, mỗi mẫu

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi quá trình thực hành của HS để hướng dẫn kịp thời, nhắc nhở nếu HS làm sai quy trình. - GV: Yêu cầu HS điền vào mẫu phiếu và nộp lại phiếu. - Dựa vào kết quả thực hành các bước quy trình, so sánh với phiếu nộp. Đánh giá kết quả bài học. - Yêu cầu HS dọn vệ sinh sạch sẽ, để các dụng cụ và hóa chất đúng nơi quy định.	- HS điền vào mẫu phiếu và nộp lại phiếu cho GV. - Lắng nghe. - Thu dọn dụng cụ và vệ sinh.	20g, đổ mỗi mẫu vào một bình tam giác dung tích 100ml. * Bước 2: Dùng ống đong, đong 50ml dung dịch KCl 1N đổ vào bình tam giác thứ nhất và 50ml nước vào bình tam giác thứ hai. * Bước 3: Dùng tay lắc 15 phút * Bước 4: Xác định pH của đất. Dùng máy đo pH để đo. Vị trí bầu điện cực ở giữa dung dịch huyền phù. Đọc kết quả trên máy đo khi số đã hiện ổn định trong 30 giây, ghi kết quả vào bảng Kết quả thí nghiệm ghi theo bảng mẫu: <table border="1" data-bbox="906 751 1388 945"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Mẫu đất</th><th colspan="2">Trị số pH</th></tr> <tr> <th>pH_{H2O}</th><th>pH_{KCl}</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Mẫu 1</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Mẫu 2</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Mẫu 3</td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>	Mẫu đất	Trị số pH		pH _{H2O}	pH _{KCl}	Mẫu 1			Mẫu 2			Mẫu 3		
Mẫu đất	Trị số pH															
	pH _{H2O}	pH _{KCl}														
Mẫu 1																
Mẫu 2																
Mẫu 3																

c. Củng cố:(3')

- Nhắc lại 3 bước của quy trình thực hành

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Đọc trước bài 9, tìm hiểu nguyên nhân gây ra đất xám bạc màu. có hướng cải tạo.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 13/10/2012

Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 10 / 2012 Lớp 10B5

Tiết 9

**Bài 9: BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT XÁM BẠC MÀU,
ĐẤT XÓI MÒN MẠNH TRƯ SỎI ĐÁ.**

1. Mục tiêu

a. Kiến thức

- Biết được sự hình thành, tính chất chính của đất xám bạc màu, biện pháp cải tạo và sử dụng loại đất này.
- Nguyên nhân gây xói mòn, tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, biện pháp cải tạo và sử dụng loại đất này.

b. Kỹ năng

- Rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh giải quyết vấn đề, khả năng làm việc theo nhóm.

c. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên rừng, chống xói mòn đất.
- Tuyên truyền vận động mọi người cùng bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên rừng.

2. Chuẩn bị

a. GV: Phương pháp: Diễn giảng, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

b. HS: Đọc bài mới trước ở nhà. Trả lời các câu hỏi liên quan bài mới: Đất xám bạc màu là đất có đặc điểm gì, nguyên nhân gây ra đất xám bạc màu. Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá có tính chất gì, nguyên nhân nào gây ra đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ổn định lớp (1')

* **Kiểm tra bài cũ (3'):** Nhận xét và trả bài báo cáo cho học sinh.

* **Đặt vấn đề (2'):**

Xói mòn đất ảnh hưởng như thế nào đến độ phì nhiêu của đất?

Sau khi HS trả lời, GV tóm tắt và dẫn dắt vào bài mới: Xói mòn đất làm giảm độ phì nhiêu của đất, làm cho đất bạc màu. Vậy cần làm gì để cải tạo và sử dụng đất xám bạc màu, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá cho có hiệu quả. Đó là nội dung cần tìm hiểu trong bài hôm nay.

b. Bài mới:

HD 1: *Tìm hiểu nguyên nhân hình thành , tính chất, biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất xám bạc màu.(17')*

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
	HS đọc SGK, thảo luận trả	<u>I.CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT</u>

- Cho biết đặc điểm đất đai ở nước ta? -Những điều kiện và nguyên nhân dẫn tới tình trạng đất xám bạc màu là gì? Ở nước ta, đất xám bạc màu có ở đâu? Đưa ra ví dụ tại địa phương, hiện tượng chặt phá rừng dẫn đến đất trống đồi núi trọc, đốt nương làm rẫy ,..... Yêu cầu HS quan sát hình 9.1 trong SGK và đưa ra nhận xét. Nhận xét những ý kiến của HS và kết luận. -Đất xám bạc màu có những tính chất cơ bản nào? -Mục đích việc cải tạo đất xám bạc màu? -Biện pháp cải tạo? Chia nhóm trong lớp. Giao nhiệm vụ cho các nhóm. Thảo luận tìm ra tác dụng của từng biện pháp cải tạo. Nhận xét câu trả lời của học sinh và kết luận. Em hãy kể tên một số loại cây thường được trồng trên đất xám bạc màu?	lời. + Điều kiện khí hậu nóng ẩm⇒ Chất hữu cơ và mùn dễ bị khoáng hoá. + Chất dd dễ hoà tan, dễ bị trôi. +70% đất phân bố vùng đồi núi⇒ Bị thoái hoá, xói mòn mạnh. HS thảo luận nhóm & trả lời câu hỏi. -Mỗi nhóm trả lời, xây dựng bài học. - Quan sát hình và đưa ra nhận xét: lớp đất nạt mỏng, màu xám,... -Tăng độ phì nhiêu của đất. Nâng cao năng suất cây trồng. -HS hoàn thành phiếu học tập. Thông qua hoạt động nhóm. Trình bày ý kiến của nhóm mình.	<u>XÁM BẠC MÀU</u> 1/ Nguyên nhân hình thành: - Hình thành ở vùng giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi. - Địa hình dốc thoải⇒ Qu trình rửa trôi diễn ra mạnh mẽ. - Tập quán canh tác lạc hậu⇒ Đất thoái hoá mạnh. - Chặt phá rừng gây ra hiện tượng đất trống đồi núi trọc. 2/ Tính chất của đất xám bạc màu: - Tầng đất mặt mỏng. Thành phần cơ giới nhẹ. Đất khô hạn. - Đất chua hoặc rất chua. pH= 3,5 – 4, nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn. - Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu. <u>3/ Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng:</u> a) Biện pháp cải tạo: Phiếu học tập (1). 1.Xây dựng bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lí. Nhằm khắc phục hạn hán,tạo điều kiện thuận lợi cho VSV hđ. 2.Cày sâu dần tăng dần độ dày của tầng đất mặt 3.Bón vôi, cải tạo đất giảm độ chua. 4.Luân canh, chú ý cây họ đậu, cây phân xanh gúp Tăng cường VSV cố định đạm, dinh dưỡng. 5.Bón phân hợp lí, tăng phân hữu cơ. Td: Tăng dinh dưỡng., mùn,VSV hđ & phát triển. b) Hướng sử dụng: Đất có địa hình dốc thoải, dễ thoát nước, dễ cày bừa nên thích hợp với những loại cây trồng có rễ mọc cạn. VD: Khoai lang, sắn, ngô, đậu tương, cây lấy gỗ như keo tai tượng, keo lá tràm...
---	---	--

HD 2: Tìm hiểu nguyên nhân hình thành , tính chất, biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá.(17p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
Đưa ra những ví dụ về hiện tượng sỏi mòn đất, tại địa phương về những trận mưa lớn, những dòng nước chảy trên những quả đồi, những nương ngô..... phân tích những hiện tượng trên cho học sinh thấy được hiện tượng xói mòn đất. -Xói mòn đất là gì? -Nguyên nhân gây xói mòn. Yêu cầu HS quan sát hình 9.2 trong SGK -Vùng nào thường xảy ra xói mòn? -Loại đất nào thường bị xói mòn mạnh? vì sao? -Cho biết tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá? Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá ? Chia nhóm trong lớp. Giao nhiệm vụ cho các nhóm. Thảo luận tìm ra tác dụng của từng biện pháp cải tạo. Yêu cầu HS quan sát hình 9.3 và 9.4 trong SGK HS quan sát hình 9.5 trong SGK Đưa ra nhận xét về mô hình nông lâm kết hợp.	-Quá trình phá hủy lớp đất mặt và tầng đất dưới do nhiều tác động: nước mưa, nước tưới, gió,... HS dựa vào SGK để trả lời. -Vùng đồi núi, nơi có độ dốc lớn -Đất lâm nghiệp vì ở vùng đồi núi, độ dốc cao. HS thảo luận nhóm & trả lời câu hỏi. -HS hoàn thành phiếu học tập. Thông qua hoạt động nhóm. Trình bày ý kiến của nhóm mình. Quan sát hình, thảo luận về các biện pháp cải tạo Thảo luận nhóm đưa ra những ý kiến đóng góp vào ý kiến của nhóm mình.	<u>II.CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT XÓI MÒN MẠNH TRƠ SỎI ĐÁ</u> <u>1/Nguyên nhân gây xói mòn đất.</u> -Mưa lớn phá vỡ kết cấu đất. -Địa hình dốc tạo ra dòng chảy rửa trôi. -Chặt phá rừng gây ra hiện tượng đất trống đồi núi trọc. <u>2/ Tính chất đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá:</u> -Hình thái phẫu diện không hoàn chỉnh. - Sét v limon bị cuốn trôi, cát sỏi chiếm ưu thế. -Chua, nghèo mùn, nghèo dinh dưỡng.. - Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu.. <u>3/Cải tạo và sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá:</u> Phiếu học tập 2 a. Biện pháp công trình +Làm ruộng bậc thang nhằm hạn chế dòng chảy rửa trôi +Thềm cây ăn quả lm nâng cao độ che phủ, hạn chế dòng chảy. b. Biện pháp nông học +Canh tác theo đường đồng mức. Trồng cây thành băng. hạn chế dòng chảy +Bón phân hữu cơ kết hợp phân khoáng tăng độ phì nhiêu, VSV +Bón vôi. giảm độ chua +Luân canh, xen canh gối vụ. hạn chế bạc màu +Nông lâm kết hợp. tăng độ che phủ, hạn chế dòng chảy. +Trồng, bảo vệ rừng đầu nguồn. hạn chế lũ lụt

Nhận xét câu trả lời của học sinh và kết luận.		
--	--	--

PHIẾU HOIC TAÁP (1)

BIỆN PHÁP	TÁC DỤNG
1. Xây dựng bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lí.	a. Khắc phục hạn hán, tạo điều kiện thuận lợi cho VSV hoạt động.
2. Cày sâu dền.	b. Tăng dần độ dày của tầng đất mặt.
3. Bón vôi, cải tạo đất.	c. Giảm độ chua.
4. Luân canh, chú ý cây họ đậu, cây phân xanh.	d. Tăng cường VSV cố định đạm, dinh dưỡng.
5. Bón phân hợp lí, tăng phân hữu cơ.	e. Tăng dinh dưỡng, mùn, VSV hoạt động & phát triển.

PHIẾU HOIC TAÁP (2)

BIỆN PHÁP		TAÙC DƯỠNG
Biện pháp công trình	+Làm ruộng bậc thang +Thêm cây ăn quả	+Hạn chế dòng chảy rửa trôi +Nâng cao độ che phủ, hạn chế dòng chảy
Biện pháp nông học	+Canh tác theo đường đồng mức. Trồng cây thành băng. +Bón phân hữu cơ kết hợp phân khoáng +Bón vôi. +Luân canh, xen canh gối vụ. +Nông lâm kết hợp. +Trồng, bảo vệ rừng đầu nguồn.	+Hạn chế dòng chảy. +Tăng độ phì nhiêu, VSV. +Giảm độ chua. +Hạn chế bạc màu. +Tăng độ che phủ, hạn chế dòng chảy. +Hạn chế lũ lụt.

c. Củng cố:(4')

- So sánh tính chất của 2 loại đất: Đất xám bạc màu & đất xói mòn trơ sỏi đá.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Học bài cũ. Trả lời câu hỏi cuối bài SGK/ trang 30.
- Chuẩn bị bài giờ sau ôn tập để chuẩn bị kiểm tra một tiết.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 20/10/2012

Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:	/ 10 / 2012	Lớp 10B5

1. Mục tiêu

a. Kiến thức

- Hệ thống lại được nội dung kiến thức về trồng trọt, lâm nghiệp đại cương và nắm vững hệ thống kiến thức.

b. Kỹ năng

- Rèn luyện cho học sinh có tính tư duy logic có hệ thống.

c. Thái độ

- Nâng cao ý học tập và ứng dụng kiến thức giải thích các hiện tượng trong thực tiễn.

2. Chuẩn bị

a. GV: **Phương pháp:** Diễn giảng, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

b. HS:

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ôn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ (3'):**

CH 1: Em hãy trình bày nguyên nhân hình thành và tính chất của đất xám bạc màu, từ đó hãy đưa ra một số biện pháp cải tạo ?

ĐA: * Nguyên nhân hình thành:

- Hình thành ở vùng giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi.
- Địa hình dốc thoải $\Rightarrow$ Qu trình rửa trôi diễn ra mạnh mẽ.
- Tập quán canh tác lạc hậu $\Rightarrow$ Đất thoái hoá mạnh.
- Chặt phá rừng gây ra hiện tượng đất trống đồi núi trọc.

*** Tính chất của đất xám bạc màu:**

- Tầng đất mặt mỏng. Thành phần cơ giới nhẹ. Đất khô hạn.
- Đất chua hoặc rất chua. pH= 3,5 – 4, nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn.
- Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu.

*** Biện pháp cải tạo:**

1. Xây dựng bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lí. Nhằm khắc phục hạn hán, tạo điều kiện thuận lợi cho VSV hđ.

2. Cày sâu dần tăng dần độ dày của tầng đất mặt

3. Bón vôi, cải tạo đất giảm độ chua.

4. Luân canh, chú ý cây họ đậu, cây phân xanh giúp tăng cường VSV cố định đạm, dinh dưỡng.

5. Bón phân hợp lí, tăng phân hữu cơ. Td: Tăng dinh dưỡng, mùn, VSV hđ & phát triển.

*** Đặt vấn đề (2'):** Để kiểm tra chất lượng và khả năng nhận thức qua các bài đã học của các em, trong giờ học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập và hệ thống lại kiến thức:

b. Bài mới:

HĐ 1: Hệ thống hóa kiến thức. (17')

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
Gọi từng học sinh đứng lên trả lời hoàn thiện từng nội dung cơ bản của từng bài	HS chú ý nghe các bạn khác trả lời, ghi chép nội dung vào	<u>Bài 2:</u> KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG - Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng. - Các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng 1-Thí nghiệm so sánh giống 2-Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật 3-Thí nghiệm sản xuất quảng cáo

	vở, Chuẩn bị cho những nội dung tiếp của bài ôn tập	<u>Bài 3,4: SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG</u> - Mục đích - Hệ thống sản xuất giống cây trồng - Quy trình sản xuất giống cây trồng 1. Sản xuất giống cây trồng nông nghiệp a. <u>Cây tự thụ phấn:</u> b. <u>Cây thụ phấn chéo:</u> c. <u>Cây trồng nhân giống vô tính.</u> 2. Sản xuất giống cây rừng <u>Bài 6: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NUÔI CÂY MÔ TẾ BÀO TRONG NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP</u> I. Khái niệm về phương pháp nuôi cấy mô tế bào II. Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô TB 1. Cơ sở khoa học 2. Bản chất của kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào III. Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào 1. Ý nghĩa 2. Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào a-<u>Chọn vật liệu nuôi cấy</u> b-<u>Khử trùng</u> c-<u>Tạo chồi trong môi trường nhân tạo</u> d-<u>Tạo rễ</u> e-<u>Cấy cây vào môi trường thích ứng</u> f-<u>Trồng cây trong vườn ươm</u> <u>Bài 7: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG</u> I. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất. 1. Keo đất a. Khái niệm - b- Cấu tạo keo đất: 2- Khả năng hấp phụ của đất : II. Phản ứng của dung dịch đất a. Khái niệm: b. Các loại phản ứng của dd đất: 1. Phản ứng chua của đất: 2. Phản ứng kiềm của đất: III. Độ phì nhiêu của đất 1- Khái niệm 2- Phân loại: <u>Bài 9: BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT XÁM BẠC MÀU, ĐẤT XÓI MÒN MẠNH TRƠ SỎI ĐÁ</u> I. Cải tạo và sử dụng đất xám bạc màu 1. Nguyên nhân hình thành
--	--	---

		2. Tính chất của đất xám bạc màu 3. Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng a) Biện pháp cải tạo: b) Sử dụng đất xám bạc màu: II. Cải tạo và sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá 1. Nguyên nhân gây xói mòn 2. Tính chất 3. Cải tạo và sử dụng
--	--	--

HD 2: HS lên bảng trả lời các câu hỏi ôn tập(17p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
- Em hãy cho biết vì sao phải khảo nghiệm giống cây trồng? - Cho biết các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng? - Phân biệt hệ thống sản xuất giống cây trồng? và quy trình sản xuất giống cây trồng? - Cho biết cơ sở khoa học và quy trình nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô? + Những ưu điểm nổi bật của phương pháp nuôi cấy mô là gì? - Các hạt keo đất dựa vào đặc điểm nào để phân biệt hạt keo âm và hạt keo dương? - Đất có những loại phản ứng nào? - Đặc điểm đặc trưng của khả năng hấp phụ của đất là gì? - Độ phì nhiêu là gì?	- Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi. - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời	

c. Củng cố:(4')

- Hệ thống lại kiến thức một lần nữa.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- HS ôn kỹ bài để giờ sau kiểm tra 1 tiết.
- Chuẩn bị bài giờ sau ôn tập để chuẩn bị kiểm tra một tiết.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 27/10/2012

Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10A1
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10A2
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10A3
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10A4
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10A5
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10B1
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10B2
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10B3
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10B4
Ngày kiểm tra:	/ 11 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 11

KIỂM TRA 45 PHÚT KÌ I

1. Mục tiêu

- a. **Kiến thức**- Nắm trắ kiến thức đã học..
- b. **Kỹ năng**- Rèn luyện cho học sinh có tính tư duy logic có hệ thống, tính tự giác trong thi cử.
- c. **Thái độ** - Nâng cao ý học tập và nghiêm túc trong giờ làm bài.

2. Chuẩn bị

- a. **GV: Phương pháp:** Trả lời câu hỏi cuối bài..

Phương tiện: Đề thi.

- b. **HS:** Ôn bài trước khi tới lớp.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ổn định lớp

* **Kiểm tra bài cũ.** Không kiểm tra.

* **Đặt vấn đề:** Để kiểm tra đánh giá chất lượng và khả năng nhận thức của các em, nay chúng ta sẽ làm bài kiểm tra.

b. Bài kiểm tra

1-Ma trận đề kiểm tra:

Chủ đề \ Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	

Sản xuất giống cây trồng.	Trình bày được quy trình sản xuất giống ở cây trồng tự thụ phấn, thụ phấn chéo và cây sinh sản vô tính.				
	Số câu:1 Số điểm:5 Tỉ lệ:50%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu:1 Số điểm:5 Tỉ lệ:50%
Một số tính chất của đất trồng.	Trình bày được khái niệm, cấu tạo keo đất và khả năng hấp phụ của đất. Vẽ được cấu tạo keo đất. Biết được những phản ứng của dung dịch đất.				
	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %	Số câu:1 Số điểm:3 Tỉ lệ:30%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu:1 Số điểm:3 Tỉ lệ:30%
Biện pháp cải tạo và sử dụng một số loại đất xấu ở Việt Nam.			Trình bày được nguyên nhân hình thành, đặc điểm, tính chất của đất xám bạc		

			màu, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá. Từ đó đưa ra được những biện pháp cải tạo và tác dụng của từng biện pháp.		
	Số câu:	Số câu:	Số câu:1	Số câu:	Số câu:1
	Số điểm:	Số điểm:	Số điểm:2	Số điểm:	Số điểm:2
	Tỉ lệ:	Tỉ lệ:	Tỉ lệ:20%	Tỉ lệ:	Tỉ lệ:20%
Tổng số câu:	1	1	1		3
Tổng số điểm:	5	3	2		10
Tỉ lệ:	30%	30%	40%		100%

2- Đề kiểm tra:

TRƯỜNG THPT GIA PHÙ

Tổ: Công nghệ - Thiết bị thí nghiệm

ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT KÌ I

Môn: Công nghệ - Lớp 10Ban cơ bản

Năm học: 2012– 2013

Thời gian : 45 phút

A. Đề chẵn:

Câu 1. Trình bày quy trình sản xuất giống ở cây trồng tự thụ phấn theo sơ đồ duy trì?

Câu 2. Trình bày khái niệm, cấu tạo keo đất và khả năng hấp phụ của đất?

Câu 3. Trình bày nguyên nhân hình thành, đặc điểm, tính chất của đất xám bạc màu? Từ đó em hãy đưa ra biện pháp cải tạo và tác dụng của chúng?

A. Đề lẻ:

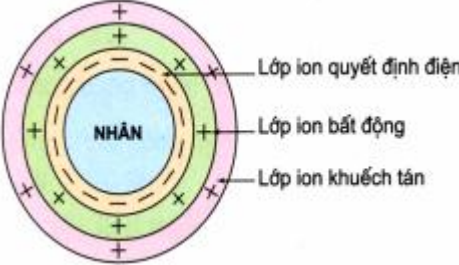
Câu 1. So sánh sự giống và khác nhau trong quy trình sản xuất giống ở ba nhóm cây trồng có phương thức sinh sản khác nhau? (3 đ)

Câu 2. Trình bày khái niệm, cấu tạo keo đất và khả năng hấp phụ của đất?

Câu 3. Trình bày nguyên nhân hình thành, đặc điểm, tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá? Từ đó em hãy đưa ra biện pháp cải tạo và tác dụng của chúng?

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

A. Đề chẵn:

Câu	Đáp án	Thang điểm
1	Quy trình sản xuất giống ở cây trồng tự thụ phấn theo sơ đồ duy trì * Đối với giống cây trồng do tác giả cung cấp giống hoặc có hạt giống siêu nguyên chủng thì quy trình sản xuất hạt giống theo sơ đồ duy trì: + Năm thứ 1: Gieo hạt SNC, chọn cây ưu tú + Năm thứ 2: Hạt của cây ưu tú gieo thành từng dòng. Chọn các dòng đúng giống, thu hoạch hỗn hợp hạt. những hạt đó được gọi là hạt SNC + Năm thứ 3: Nhân giống nguyên chủng từ giống siêu nguyên chủng + Năm thứ 4: SX hạt giống xác nhận từ giống nguyên chủng	1 đ 0.5đ 0.5đ 0.5đ 0.5đ
2	* Keo đất: a/ <u>Khái niệm về keo đất:</u> - Các phần tử đất cỡ kích thước nhỏ hơn $1 \mu m$, không hoà tan trong nước, ở trạng thái huyền phù gọi là keo đất.  b/ <u>Cấu tạo keo đất:</u> - Nhân: gồm các chất hữu cơ phức tạp. - Lớp ion quyết định điện (mang điện dương : keo dương; mang điện âm: keo âm) - Lông ion buø (baát ñoäng, khuếch tán). Keo âm	1 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ

	* Keo ñaát có khaû naêng trao ñoãi ion. * Khaû naêng haáp phuï cuûa ñaát : - Laø söï huùt baùm caùc ion, caùc phân töû nhoû vaøo beà maët cuûa keo ñaát.	0.75 đ
3	1/ Nguyên nhân hình thành: - Hình thành ở vùng giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi. - Địa hình dốc thoải $\Rightarrow$ Qu trình rửa trôi diễn ra mạnh mẽ. - Tập quán canh tác lạc hậu $\Rightarrow$ Đất thoái hoá mạnh. - Chặt phá rừng gy ra hiện tượng đất trống đồi núi trọc. 2/ Tính chất của đất xám bạc màu: - Tầng đất mặt mỏng. Thành phần cơ giới nhẹ. Đất khô hạn. - Đất chua hoặc rất chua. pH= 3,5 – 4, nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn. - Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu. 3/ Biện pháp cải tạo: 1. Xây dựng bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lí. Nhằm khắc phục hạn hán, tạo điều kiện thuận lợi cho VSV hđ. 2. Cày sâu dần tăng dần độ dày của tầng đất mặt 3. Bón vôi, cải tạo đất giảm độ chua. 4. Luân canh, chú ý cy họ đậu, cy phn xanh gip tăng cường VSV cố định đạm, dinh dưỡng. 5. Bón phn hợp lí, tăng phn hữu cơ. Td: Tăng dinh dưỡng., mùn, VSV hđ & phát triển. b) Hướng sử dụng: Đất có địa hình dốc thoải, dễ thoát nước, dễ cày bừa nên thích hợp với những loại cây trồng có rễ mọc cạn. VD: Khoai lang, sắn, ngô, đậu tương, cây lấy gỗ như keo tai tượng, keo lá tràm...	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ 0.5 đ

A. Đề lẻ:

Câu	Đáp án	Thang điểm
-----	--------	------------

1	Sự giống và khác nhau trong quy trình sản xuất giống ở ba nhóm cây trồng có phương thức sinh sản khác nhau là: TL. Giống: Điều tuân theo quy trình sản xuất giống cây trồng, từ số lượng ban đầu tạo ra một số lượng giống lớn, và đều phải tiến hành đánh giá Khác: => Cây tự thụ phấn: thời gian tiến hành theo năm, gieo thành từng dòng, chọn lọc dòng => Cây thụ phấn chéo: tiến hành theo vụ nên thời gian tiến hành nhanh hơn, gieo thành ô, trong khu cách li, chọn lọc ô => cây nhân giống vô tính: đánh giá theo từng thế hệ, bộ phận nhân giống là củ, cành, rễ và thân.....	1đ 0.5 đ 1 đ 0.5đ
2	* Keo ãát: a/ <u>Khaùi nieãm veà keo ãát:</u> - Caùc phaàn töû ãát có kích thước nhỏ hơn $1\text{ }\mu\text{m}$, không hoà tan trong nước, ôu trải qua quá trình phân rã của keo ãát. b/ <u>Cấu tạo keo ãát:</u> - Nhân: gồm các chất hữu cơ phức tạp. - Lớp ion quyết định điện (mang điện dương : keo dương; mang điện âm: keo âm). - Lớp ion bù (bất hòa, khuếch tán). Keo âm * Keo ãát có khả năng trao đổi ion. * Khả năng hấp phụ của ãát : - Là sợi hút bám các ion, các phân tử nhỏ vào bề mặt của keo ãát.	1 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ 0.75 đ

3	<u>1/Nguyên nhân gây xói mòn đất:</u>	
	-Mưa lớn phá vỡ kết cấu đất.	0.25 đ
	-Địa hình dốc tạo ra dòng chảy rửa trôi.	0.25 đ
	-Chặt phá rừng gy ra hiện tượng đất trống đồi núi trọc.	0.25 đ
	<u>2/ Tính chất đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá:</u>	
	-Hình thái phẫu diện không hoàn chỉnh.	0.25 đ
	- Sét v limon bị cuốn trôi, cát sỏi chiếm ưu thế.	0.25 đ
	-Chua, nghèo mùn, nghèo dinh dưỡng..	0.25 đ
	- Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu..	0.25 đ
	<u>3/Cải tạo và sử dụng đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá:</u>	
	a. Biện pháp công trình	
	+Làm ruộng bậc thang nhằm hạn chế dòng chảy rửa trôi	0.25 đ
	+Thêm cây ăn quả lm nâng cao độ che phủ, hạn chế dòng chảy.	0.25 đ
	b. Biện pháp nông học	
	+Canh tác theo đường đồng mức. Trồng cây thành băng. hạn chế dòng chảy	0.25 đ
	+Bón phân hữu cơ kết hợp phân khoáng tăng độ phì nhiêu, VSV	0.25 đ
	+Bón vôi. giảm độ chua	0.25 đ
	+Luân canh, xen canh gối vụ. hạn chế bạc màu	0.25 đ
	+Nông lâm kết hợp. tăng độ che phủ, hạn chế dòng chảy.	0.25 đ
	+Trồng, bảo vệ rừng đầu nguồn. hạn chế lũ lụt.	0.5 đ

c. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 03/11/2012

Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10B5

Tiết 12

**Bài 12: ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, KỸ THUẬT SỬ DỤNG
MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG**

1. Mục tiêu

a. Kiến thức

Học xong bài này, học sinh cần:

- + Biết được các loại phân bón thường dùng trong sản xuất.
- + Nắm được t/c, đặc điểm kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thường gặp.

b. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp.

c. Thái độ

Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

2. Chuẩn bị

- a. GV:** - Nghiên cứu kỹ sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.
- Soạn giáo án.
- Đồ dùng: Các loại phân + Phân hoá học: Phân Đạm ure, Kali, lân, NPK
+ Phân hữu cơ: Phân chuồng ủ hoai.
+ Phân vi sinh vật.

Phiếu học tập số 1:

	Đặc điểm phân hoá học	Đặc điểm phân hữu cơ	Đặc điểm phân vi sinh vật
Số lượng nguyên tố dinh dưỡng			
Thành phần và tỉ lệ chất dinh dưỡng			
Khả năng tan			
Kết quả khi bón			

Đáp án phiếu học tập số 1:

	Đặc điểm phân hoá học	Đặc điểm phân hữu cơ	Đặc điểm phân vi sinh vật
Số lượng nguyên tố dinh dưỡng	ít	Chứa nhiều	Chứa các vi sinh vật sống
Tỉ lệ chất dinh dưỡng	cao	Thành phần và tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định	Thành phần vi sinh vật ổn định

Khả năng tan (sóng của vi sinh vật)	Dễ hòa tan (trừ phân lân), cây dễ hấp thụ, hiệu quả nhanh.	Chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hoá, hiệu quả chậm.	Khả năng sống và tồn tại của vi sinh vật phụ thuộc vào điều kiện ngoại cảnh.
Kết quả sau khi bón	Bón nhiều, liên tục trong nhiều năm (N,P) đất bị chua.	Chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hoá, hiệu quả chậm.	Bón liên tục không làm hại cho đất.

Phiếu học tập số 2:

Các loại phân	Cách sử dụng
Phân hoá học	
Phân hữu cơ	
Phân vi sinh vật	

Đáp án phiếu học tập số 2:

Các loại phân	Cách sử dụng
Phân hoá học	- Phân kali, phân đạm dùng bón thúc là chính, có thể bón lót nhưng phải bón với lượng nhỏ. - Phân lân dùng để bón lót - Bón đạm sau nhiều năm phải bón vôi cải tạo. - Phân NPK có thể bón lót hoặc bón thúc.
Phân hữu cơ	- Bón lót là chính nhưng trước khi sử dụng phải ủ cho hoai mục.
Phân vi sinh vật	- Trộn hoặc tẩm vào hạt, rắc cây trước khi gieo trồng - Bón trực tiếp vào đất.

- b. HS:** - Đọc bài trước ở nhà, trả lời các câu hỏi có trong bài.
- Chú ý trong giờ học

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ổn định lớp (1')

* **Kiểm tra bài cũ (3'):** Nhận xét và trả bài kiểm tra cho học sinh.

* **Đặt vấn đề (1'):** Để có năng suất cao thì ngoài yếu tố về giống, phân bón là một phần quan trọng để tạo nên năng suất đó, tuy nhiên sử dụng phân như thế nào là hợp lí? Trong bài ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp:

b. Bài mới:

HD 1: *Tìm hiểu một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp .(10')*

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
- Môn công nghệ lớp 7 các em đã được học về một số loại phân bón. Em hãy kể tên một số loại phân bón mà em đã được học và trong thực tế em đã thấy? - Ghi các loại phân học sinh kể lên bảng - Kết luận: Đây chính là một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp.	- Kể tên các loại phân đã học và đã thấy: + Đạm Ure, lân, kali, phân chuồng, phân bắc, phân vsv cố định đạm,	I. <u>Một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp.</u> 1. <u>Phân hoá học:</u> - Phân hoá học là loại phân được sản xuất theo qui trình công nghiệp. Có thể là loại đơn phân (Chứa một nguyên tố dinh dưỡng: N, P, K) hoặc có thể đa phân (nhiều hơn 2 nguyên tố dinh dưỡng).

- Căn cứ vào nguồn gốc của phân bón người ta chia làm mấy loại? - Các loại phân vừa kể trên em có thể xếp theo nhóm không? * <u>Nhấn mạnh lại nội dung học sinh cần nhớ</u> + Liên hệ một số nhà máy sản xuất phân bón: Nhà máy sản xuất phân bón Lâm Thao – Phú Thọ; Nhà máy sản xuất phân lân Văn Điển... - Yêu cầu học sinh quan sát hình 12 SGK trang 38 - Em hãy kể tên 1 số loại phân hoá học cụ thể? - Em hãy kể tên 1 số loại phân hữu cơ thường dùng ở địa phương em? - Kết luận: Yêu cầu học sinh phân biệt được 3 nhóm phân bón trên. - Cho học sinh quan sát các mẫu phân mà giáo viên đã chuẩn bị trước; Phát cho từng nhóm (bàn) các mẫu phân. - Cho học sinh nhận xét: + Màu sắc từng loại. + Hình dạng từng loại. - Học sinh phân biệt được đâu là: Đạm; kali, lân, Phân chuồng	- Làm việc với sách giáo khoa, thảo luận theo nhóm, cử đại diện trả lời: Gồm 3 loại: + Phân hoá học + Phân hữu cơ + Phân vi sinh vật - Sắp xếp các loại phân theo nhóm. - Đạm: Ure, NH_4Cl - supe lân - Kali: KCl, KNO_3 - Phân xanh: cây cỏ Lào, cây cốt khí... - Phân chuồng: lợn, bò, gà.	- Đạm ure, supe lân, kali, NPK... 2. <u>Phân hữu cơ</u> - Phân hữu cơ: là tất cả các chất hữu cơ vùi vào đất để duy trì và nâng cao độ phì nhiêu của đất, đảm bảo cho cây trồng đạt năng suất cao. - Phân xanh: cây cỏ Lào, cây cốt khí... - Phân chuồng: lợn, bò, gà... 3. <u>Phân vi sinh vật</u> - Phân vi sinh vật là loại phân có chứa các loài vi sinh vật cố định đạm, chuyển hoá lân
---	--	--

HD 2: *Tìm hiểu đặc điểm, tính chất của một số loại phân thường dùng trong nông, lâm nghiệp: (13p)*

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
- Phát phiếu học tập số 1 cho từng nhóm học sinh - Sau khi phát phiếu yêu cầu học sinh làm việc với sách giáo khoa, liên hệ thực tế, thảo luận nhóm -> Điền kết quả vào phiếu học tập. - Giới hạn thời gian 5 phút - Sau khi học sinh hoàn thành phiếu học tập GV gọi 3 nhóm	- Nhận phiếu học tập - Làm việc với sách giáo khoa phần II trang 38. Cử 1 người điền vào phiếu học tập. - Cử đại diện trình bày phiếu học tập. - Các nhóm khác theo dõi,	II. <u>Đặc điểm, tính chất một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp</u> 1. <u>Đặc điểm của phân hóa học.</u> - Số lượng nguyên tố dinh dưỡng ít - Tỷ lệ chất dinh dưỡng cao - Khả năng tan (sóng của vi sinh vật): dễ hòa tan (trừ phân lân), cây dễ hấp thụ, hiệu quả nhanh. - Kết quả sau khi bón: bón nhiều,

lên bảng trình bày - Học sinh hoàn chỉnh trên bảng. - Giáo viên treo đáp án phiếu học tập đã chuẩn bị trước. Yêu cầu học sinh so sánh với kết quả mà các em đã làm. * Nhắc lại từng đặc điểm, tính chất các loại phân và kết hợp chứng minh, giải thích để học sinh hiểu: - Số lượng nguyên tố dinh dưỡng: + Phân hoá học: chứa ít nguyên tố dinh dưỡng, thường là N, P, K + Phân hữu cơ: chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng: Đa lượng (N, P, K), vi lượng (Bo, Zn...), trung lượng (Mg, S...) + Phân vi sinh vật: chứa VSV nốt sần cây họ đậu, ... - Tỷ lệ chất dinh dưỡng: - Trong 3 loại phân trên loại phân nào phải bón nhiều? + Phân hoá học: tỉ lệ chất dinh dưỡng cao (chỉ cần bón ít) + Phân hữu cơ: tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định (Bón nhiều) + Phân VSV: (Bón theo nhu cầu cây.) - Khả năng tan: (Giáo viên thả 1 thìa phân đạm và lân, mỗi loại vào 1 cốc nước để cho học sinh quan sát khả năng tan của 2 loại phân) + Phân hoá học: Trong thực tế em thấy loại phân nào dễ tan? + Phân hữu cơ: khó tan. - Kết quả sau khi bón: Thực tế gia đình và địa phương em sau khi bón phân hóa học 1 thời gian thì thấy người dân phải bón vôi. Vậy bón vôi vào đất có tác dụng gì? - Gv giải thích thêm: trong phân hoá học có chứa gốc axit nên gây chua cho đất. VD: (Keo đất)^{H+}+ NH₄Cl	bổ sung thêm. - Theo dõi và so sánh kết quả. - Phân hữu cơ bón nhiều - N, K là dễ tan; P khó tan. - Học sinh liên hệ thực tế để trả lời: Vì phân hoá học gây chua cho đất. - Chú ý phần giải thích của GV	liên tục trong nhiều năm (N,P) đất bị chua. <u>2. Đặc điểm của phân hữu cơ.</u> - Số lượng nguyên tố dinh dưỡng: chứa nhiều - Tỷ lệ chất dinh dưỡng: thành phần và tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định - Khả năng tan (sóng của vi sinh vật) : chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hoá, hiệu quả chậm. - Kết quả sau khi bón: chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hoá, hiệu quả chậm. <u>3. Đặc điểm của phân vi sinh vật.</u> - Số lượng nguyên tố dinh dưỡng: chứa các vi sinh vật sống - Tỷ lệ chất dinh dưỡng: thành phần vi sinh vật ổn định - Khả năng tan (sóng của vi sinh vật): khả năng sống và tồn tại của vi sinh vật phụ thuộc vào điều kiện ngoại cảnh. - Kết quả sau khi bón: bón liên tục không làm hại cho đất.
--	--	---

$\text{=(Keo đất)}^{\text{NH}_4} + \text{HCl}$ (gây chua cho đất) - Phân hữu cơ và phân vi sinh vật không gây chua cho đất (trong thành phần không có gốc axit) Nhấn mạnh: - Mỗi đặc điểm, tính chất của 1 loại phân đều gắn liền với cách sử dụng chúng để có hiệu quả.		
---	--	--

HÑ 3: Tìm hiểu kỹ thuật sử dụng các loại phân: (12p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
- Sử dụng phiếu học tập số 2 - Sau khi phát phiếu yêu cầu học sinh làm việc với sách giáo khoa, liên hệ thực tế, thảo luận nhóm -> Điền kết quả vào phiếu học tập. - Giới hạn thời gian 5 phút - Sau khi học sinh hoàn thành phiếu học tập GV gọi 3 nhóm lên bảng trình bày - Học sinh hoàn chỉnh trên bảng . - Giáo viên treo đáp án phiếu học tập đã chuẩn bị trước. Yêu cầu học sinh so sánh với kết quả mà các em đã làm. - GV: Nhắc lại cách sử dụng từng loại phân - Vì sao dùng phân Đạm, kali bón lót phải bón với lượng nhỏ? Nếu bón với lượng lớn thì sao? - Dựa vào đặc điểm khó tan của phân lân -> Phân lân dùng để bón lót - Bón lót với bón thúc khác nhau ở chỗ nào? - Giáo viên giải thích bổ sung - Tùy thuộc vào mỗi loại đất, loại cây trồng có nhu cầu về đạm, lân, kali nên phân hỗn hợp NPK được sản xuất riêng cho từng loại cây-> GV yêu cầu học sinh đọc thêm trong sách giáo khoa. - Để nâng cao hiệu quả sử dụng	- Cử đại diện trình bày phiếu học tập. - Các nhóm khác theo dõi, bổ sung thêm. - Theo dõi và so sánh kết quả. - HS: liên hệ thực tế: + Do phân N, K có đặc điểm dễ tan -> Hiệu quả nhanh nên thường dùng để bón thúc. + ở giai đoạn đầu cây trồng còn nhỏ nên không sử dụng hết -> các chất dinh dưỡng sẽ bị rửa trôi -> lãng phí. - Học sinh chú ý nghe giảng. - Phân hữu cơ phải qua quá trình khoáng hoá(từ	III. Kỹ thuật sử dụng <u>1. Sử dụng phân hóa học:</u> - Phân kali, phân đạm dùng bón thúc là chính, có thể bón lót nhưng phải bón với lượng nhỏ. - Phân lân dùng để bón lót - Bón đạm sau nhiều năm phải bón vôi cải tạo. - Phân NPK có thể bón lót hoặc bón thúc. <u>2. Sử dụng phân hữu cơ:</u> - Bón lót là chính nhưng trước khi sử dụng phải ủ cho hoại mục. <u>3. Sử dụng phân vi sinh vật:</u> - Trộn hoặc tẩm vào hạt, rắc cây trước khi gieo trồng - Bón trực tiếp vào đất.

phân bón, hiện nay đang có xu hướng sản xuất phân phức hợp, dạng viên... - Dựa vào đặc điểm phân hữu cơ, em cho biết tại sao phân hữu cơ dùng để bón lót là chính? <u>GV lấy ví dụ thực tế</u> : Người ta vẫn thường hoà phân tươi với nước để tưới rau -> Hậu quả: Ô nhiễm môi trường; Không an toàn thực phẩm, đe dọa sức khoẻ con người. - Phân vi sinh vật các em sẽ được học cụ thể hơn ở bài sau.	dạng phức tạp - > dạng đơn giản) -> Bón lót là chính.	
--	---	--

c. Củng cố:(4')

Chọn đáp án đúng:

Câu 1: Loại phân nào khó tan trong nước:

- A. KCl
- B. Đạm Urê
- C. Supe lân
- D. KNO_3

Câu 2: Loại phân nào khi bón liên tục sẽ gây hại cho đất:

- A. Phân hữu cơ
- B. Phân hoá học
- C. Phân vi sinh vật
- D. Cả A và B

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Đọc thụng tin bổ sung cuối bài
- Trả lời câu hỏi SGK.
- Xem trước bài 13.

- Để chuẩn bị cho bài thực hành: “Trồng cấy trong dung dịch”, mỗi nhóm chọn hạt giống như: lúa, đậu, cà chua... ngâm, ủ cho nảy mầm và phát triển thành cây con trong cát ẩm.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 10/11/2012

Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A1
 Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A2
 Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A3
 Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A4

Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 13

Bài 13: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH TRONG SẢN XUẤT PHÂN BÓN.

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này HS cần phải:

a. Kiến thức

- Nêu được thế nào là công nghệ vi sinh, ứng dụng của công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón
- Trình bày được nguyên lý sản xuất phân vi sinh
- Phân biệt được một số loại phân vi sinh đã được sử dụng trong sản xuất và cách sử dụng từng loại.

b. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp.

c. Thái độ

Có ý thức ham mê tìm hiểu những cái mới trong khoa học để áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

2. Chuẩn bị

a. GV: - Giáo án, sgk.

- Tham khảo thêm các tài liệu về phân bón vi sinh, tình hình sản xuất, sử dụng phân vi sinh ở nước ta.
- Mẫu một số dạng phân vi sinh hiện đang sử dụng ở nước ta
- Phiếu học tập.

Các loại phân vi sinh vật	Phân VSV cố định đạm	Phân VSV chuyển hoá lân	Phân VSV phân giải chất hữu cơ
Thành phần			
Cách sử dụng			

- Phương pháp: Vấn đáp tái hiện, tìm tòi, kết hợp công tác độc lập của học sinh với SGK.

b. HS: - Đọc bài trước ở nhà, trả lời các câu hỏi có trong bài.

- Chú ý trong giờ học

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ôn định lớp (1’):

* **Kiểm tra bài cũ (5’):**

CH: 1/ Kể tên một số loại phân hóa học, phân hữu cơ thường dùng ở địa phương.

ĐA: Một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp.

1. Phân hoá học:

- Phân hoá học là loại phân được sản xuất theo qui trình công nghiệp. Có thể là loại đơn phân (Chứa một nguyên tố dinh dưỡng: N, P, K) hoặc có thể đa phân (nhiều hơn 2 nguyên tố dinh dưỡng).
- Đạm ure, supe lân, kali, NPK...

2. Phân hữu cơ

- Phân hữu cơ: là tất cả các chất hữu cơ vùi vào đất để duy trì và nâng cao độ phì nhiêu của đất, đảm bảo cho cây trồng đạt năng suất cao.
- Phân xanh: cây cỏ Lào, cây cốt khí...
- Phân chuồng: lợn, bò, gà...

3. Phân vi sinh vật

- Phân vi sinh vật là loại phân có chứa các loài vi sinh vật cố định đạm, chuyển hoá lân

CH 2/ Dựa vào đặc điểm phân hữu cơ, em hãy cho biết vì sao phân hữu cơ dùng để bón lót là chính? Bón thúc có được không?

ĐA: Phân hữu cơ nên dùng để bón lót vì phân hữu cơ cần có thời gian để khoáng hoá, khi bón xuống đất cây chưa hấp thụ được ngay, nếu dùng bón thúc thì phân sẽ không phát huy được tác dụng, gây lãng phí và sai mục đích sử dụng

* **Đặt vấn đề:** (1'): Ở bài trước chúng ta đã biết nhu cầu phân bón cho nông, lâm nghiệp ngày một tăng. Có nhiều phương hướng giải quyết nhu cầu phân bón, trong đó đáng lưu ý là ứng dụng công nghệ vi sinh vật để sản xuất phân bón, vừa đỡ tốn kém vừa có tác dụng bảo vệ đất không bị thoái hóa. Bài hôm nay sẽ tìm hiểu về vấn đề này :

b. Bài mới:

HD 1: *Tìm hiểu nguyên lý sản xuất phân vi sinh vật (9p)*

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
Giáo viên cho học sinh nghiên cứu SGK trả lời: - Thế nào là công nghệ vi sinh? - Ứng dụng của công nghệ vi sinh? - Nêu nguyên lý sản xuất phân vi sinh?	- Bảng những hiểu biết của bản thân + vốn kiến thức cũ + nghiên cứu SGK để trả lời. - HS thảo luận nhóm và trình bày. - HS nghiên cứu SGK, trả lời câu hỏi	<u>I. Nguyên lý sản xuất phân vi sinh vật</u> <u>1. Công nghệ vi sinh</u> - Là ngành công nghệ khai thác sử dụng hoạt động sống của vi sinh vật để sản xuất ra các sản phẩm phục vụ đời sống con người. <u>Ứng dụng</u> : - Sản xuất Bia, rượu, nước giải khát, sữa chua, sản xuất các loại enzym vi sinh vật, sinh khối protein đơn bào, các chất kháng sinh, các loại thuốc trừ sâu, <u>phân bón</u> ... <u>2. Nguyên lý sản xuất</u> - Nguyên lý sản xuất: Phân lập & nhân chủng VSV đặc hiệu → Trộn với chất nền → Thành phẩm (phân bón vi sinh)

HD 2: *Tìm hiểu đặc điểm, cách sử dụng các loại phân bón VSV (25p)*

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
Giáo viên cho học sinh nghiên cứu SGK trả lời: - Thế nào là công nghệ vi sinh?	- Bảng những hiểu biết của bản thân + vốn kiến thức cũ + nghiên cứu SGK để	<u>II. Một số loại phân VSV thường dùng</u> <u>1. Phân vi sinh vật cố định đạm</u> - Là loại phân bón có chứa các nhóm vi sinh vật cố định nitơ tự do sống

- Ứng dụng của công nghệ vi sinh? - Nêu nguyên lý sản xuất phân vi sinh? - Kể tên các loại phân vi sinh thường dùng mà em biết? - Phát mẫu phân vi sinh cho HS. - Phát phiếu học tập cho HS. - GV bổ sung , hoàn thiện. <u>Khắc sâu :</u> - Kể tên các dạng vi sinh vật cố định đạm? - Thế nào là hình thức sống cộng sinh, sống hội sinh ? - Có thể dùng phân Nitragin để bón cho lúa và phân Azogin để bón cho đậu không ? Vì sao ? - Khi sử dụng phân vi lượng cố định đạm cần chú ý những điểm gì? Vì sao? - Phân vi sinh chuyển hoá lân có những dạng nào? Nêu sự khác nhau giữa chúng? - Mục đích chính của việc bón phân VSV phân giải chất hữu cơ?	trả lời. - HS thảo luận nhóm và trình bày. - HS nghiên cứu SGK, trả lời câu hỏi - Nghiên cứu SGK+vốn hiểu biết của mình để trả lời . - Hoàn thành phiếu học tập, sau 10', học sinh đứng lên trình bày phần làm của bản mình. - Nghiên cứu SGK trả lời. - Nghiên cứu SGK (phần thông tin bổ sung), trả lời. - Liên hệ thực tế địa phương để trả lời. - Bón vào đất có tác dụng	cộng sinh với cây họ đậu (nitragin), hoặc sống hội sinh với cây lúa và một số cây trồng khác (azogin). - Thành phần chính của loại Phân này gồm: + Than bùn. + Vi sinh vật nốt sần cây họ đậu. + Các chất khoáng . + Nguyên tố vi lượng. - Sử dụng: Tắm hạt giống, tránh ánh nắng → gieo trồng và vùi vào trong đất ngay hoặc bón trực tiếp vào trong đất . 2. <u>Phân vi sinh vật chuyển hoá lân</u> - Là loại phân bón có chứa vi sinh vật chuyển hoá lân hữu cơ thành lân vô cơ (photpho bacterin), hoặc vi sinh vật chuyển hoá lân khó tan thành lân dễ tan (Phân lân hữu cơ vi sinh). - Thành phần : + Than bùn. + Vi sinh vật chuyển hoá lân.(1g lân hữu cơ có 0,5 tỉ tế bào vi sinh vật). + Bột photphorit hoặc apatit. + Các nguyên tố khoáng và vi lượng. - Sử dụng: Tắm hạt giống trước khi gieo (photphobacterin) hoặc bón trực tiếp vào trong đất.
---	---	---

- Thực tế người ta đã lợi dụng vai trò của vi sinh vật trong việc phân giải chất hữu cơ như thế nào?	thúc đẩy quá trình phân hủy và phân giải chất hữu cơ trong đất thành các hợp chất khoáng mà cây có thể hấp thụ được - Thực tế việc ủ phân hữu cơ là nhờ vai trò phân giải của vi sinh vật	<u>3-Phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ</u> - Là loại Phân bón có chứa các loại vi sinh vật Phân giải chất hữu cơ . - Thành phần: Enzim do một số vi sinh vật tiết ra. - Sử dụng: Bón trực tiếp vào đất.
--	--	--

c. Củng cố:(4')

Chọn đáp án đúng: .

1. Nguyên lý sản xuất phân vi sinh là :

- A. Phân lập → trộn đều các chủng vi sinh vật với chất nền
- B. Phân lập, trộn đều → nhân các chủng vi sinh vật đặc hiệu
- C. Trộn đều → phân lập và nhân các chủng vi sinh vật đặc hiệu
- D. Phân lập và nhân các chủng vi sinh vật đặc hiệu → trộn đều

2. Bón phân vi sinh vật cố định đạm cần phải

- A. Trộn và tẩm hạt giống với phân vi sinh nơi có ánh sáng mạnh
- B. Trộn và tẩm phân vi sinh với hạt giống ở nơi râm mát
- C. Trộn và tẩm hạt giống với phân vi sinh, sau một thời gian mới được đem gieo
- D. Chỉ dùng phân vs cố định để trộn và tẩm hạt giống, không được bón tr.tiếp vào đất

3. Loại phân vsv nào dưới đây có chứa vi khuẩn cố định đạm, sống cộng sinh với cây họ đậu:

- A. Nitragin B. Azogin. C. Phốtphobacterin D. Lân hữu cơ vi sinh.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Chuẩn bị dụng cụ thực hành: Mỗi nhóm chuẩn bị một miếng xốp dày khoảng 0,5cm bằng bao diêm, một lọ nhựa dung tích 1000 ml có nắp đậy giữa nắp khoét một lỗ tròn đường kính 1,5 cm hai bên đục hai lỗ nhỏ một dao nhỏ sắc, có thể dùng lưỡi dao cạo râu, giờ học sau mang đến lớp.

- Xem trước bài 14.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 24/11/2012

Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A1
 Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A2
 Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A3
 Ngày dạy:/ 11 / 2012 Lớp 10A4

Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:	/ 11 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 14

Bài 14: Thực hành: **TRỒNG CÂY TRONG DUNG DỊCH**

1. Mục tiêu

Học xong bài này, học sinh cần:

a. Kiến thức:

- Biết được quy trình thực hành.
- Học sinh trồng được cây trong dung dịch .

b. Kỹ năng - Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo.

c. Thái độ : - Thực hiện đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Có ý thức tìm tòi sáng tạo trong khoa học, yêu thích việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất .

2. Chuẩn bị

a. GV: *. Dung cụ, vật mẫu

- Bình thủy tinh hoặc bình nhựa có dung tích 0,5-5 lít.
- Dung dịch dinh dưỡng Knốp.
- Cây thí nghiệm: Lúa, cà chua hoặc các loại rau xanh.
- Máy đo pH.
- Cốc thủy tinh dung tích 1000ml.
- Ống hút dung tích 10ml
- Dung dịch H_2SO_4 0,2% và NaOH 0.2%.

***. Bảng theo dõi sinh trưởng của cây: Mẫu 1**

Chỉ tiêu theo dõi	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	...	Tuần n
Chiều cao của phần trên mặt nước					
Màu sắc lá					
Sự phát triển của rễ					
Hoa					
Quả					

b. HS: Đọc trước quy trình thực hành ở nhà, và mang đầy đủ cây thí nghiệm đi theo sự phân công của giáo viên.

3. Tiến trình:

a. Ôn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ (5')**

CH: 1/ Thế nào là ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón?

2/ Phân biệt phân vsv cố định đạm, phân vsv chuyển hóa lân và phân vsv phân giải chất hữu cơ .

ĐA: 1/ Khái niệm.

2/ Phân vsv cố định đạm: Chứa các nhóm vi sinh vật cố định nitơ tự do sống cộng sinh với cây họ đậu hoặc hội sinh với cây lúa và cây trồng khác.

Phân vsv chuyển hóa lân: Chứa vi sinh vật chuyển hóa lân hữu cơ → lân vô cơ hoặc lân khó tan → dễ tan.

Phân vsv phân giải chất hữu cơ: Chứa các vi sinh vật phân giải chất hữu cơ

*** Đặt vấn đề: (1')** Cây trồng sinh trưởng được là nhờ có sự cung cấp dinh dưỡng, bằng cách làm truyền thống chúng ta thường trồng cây xuống đất, trong bài hôm nay chúng ta sẽ trồng cây mà không cần dùng tới đất, đó là phương pháp trồng cây trong dung dịch. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về phương pháp này:

b. Bài mới:

HD1:(5p) Phân chia nhóm thực hành và dụng cụ thực hành cho từng nhóm:

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- GV giới thiệu nội dung thực hành. - GV chia nhóm học sinh thực hành. - Phân công vị trí thực hành cho các nhóm. - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh	HS chú ý sự hướng dẫn, phân công của GV	I. <u>Giới thiệu bài</u> II. <u>Tổ chức phân công nhóm</u>

HD2: (30p) Hướng dẫn các nhóm thao tác thực hành..

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- GV Hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình theo từng bước. Kết hợp với diễn giải và thao tác mẫu. Bước 1: Chuẩn bị dung dịch dinh dưỡng: dung dịch Knôp. Bước 2: Điều chỉnh độ pH. Dùng máy đo pH để kiểm tra (Lưu ý cách sử dụng máy đo). Khi điều chỉnh độ pH phải rất cẩn thận, dùng H_2SO_4 hoặc $NaOH$ từ từ, chính xác .	- Lắng nghe, theo dõi các thao tác GV thực hiện. Ghi chép tóm tắt quy trình kỹ thuật và những điểm GV nhấn mạnh. + Sử dụng máy đo pH: Để đầu điện cực của máy ngập vào giữa khối dung dịch cần đo. Đặt máy cố định trên bàn. + Điều chỉnh độ pH: dùng $NaOH$ 0,2 % hoặc H_2SO_4 0,2% để điều chỉnh độ pH theo yêu cầu của loại cây trồng. Lưu ý nhỏ giọt hoá chất từ từ cho tới khi trị số pH vừa đúng yêu cầu. - Chọn cây.	III. <u>Quy trình thực hành</u> <u>Bước 1:</u> Chuẩn bị dung dịch dinh dưỡng: Lấy dung dịch Knôp đổ vào bình trồng cấy. <u>Bước 2:</u> Điều chỉnh pH của dung dịch dinh dưỡng: Mỗi loại cây trồng thích hợp với độ pH nhất định: Lúa, cà chua: 5,5-6,5; Ngô, đậu đỏ: 6,5-7,0; Bắp cải: 7,0. Dùng máy đo pH để kiểm tra pH của dung dịch . <u>Bước 3:</u> Chọn cây khỏe mạnh có rễ mọc thẳng. <u>Bước 4:</u> Trồng cây trong dung dịch : Luồn rễ cây qua lỗ ở nắp đáy sao cho một phần rễ ngập vào dung dịch hút chất dinh dưỡng . Phần rễ phía trên hút oxi $\rightarrow$ hô hấp. <u>Bước 5:</u> Theo dõi sinh trưởng của cây theo mẫu

Nhắc nhở HS kiểm tra dụng cụ hoá chất trước khi thực hành - Điều chỉnh độ pH: Lưu ý HS dùng thang màu chuẩn hoặc máy đo độ pH - GV Đo kiểm tra lại độ pH HS đã đo, nếu chưa khớp yêu cầu điều chỉnh lại Cho HS mang cây về nhà để theo dõi sự sinh trưởng.	- Luồn bộ rễ cây trên nắp hộp sao cho rễ không bị gãy dập.Điều chỉnh cây sao cho Một nửa bộ rễ ngập vào dung dịch ,một nửa trong nước HS thực hiện tuần tự các bước - Làm thông thả, cẩn thận, tránh đùa nghịch, đi lại nhiều trong lớp . - Điều chỉnh độ pH dựa vào yêu cầu của cây trồng cụ thể - Ghi tên, ngày trồng ngoài bao giấy để tiện theo dõi.	IV. <u>HS tiến hành thực hành</u>
---	---	---

c. **Củng cố:(3')**

- GV đánh giá kết quả thực hành:
- + Thực hiện quy trình.
- + Kết quả thí nghiệm.
- + Gọi HS trả lời một số câu hỏi:
- 1 Em có nhận xét gì về thành phần các chất trong dung dịch dinh dưỡng KNốp?
- 2. Dựa vào đâu để điều chỉnh độ pH trong dung dịch dinh dưỡng ?
- 3. Vì sao khi trồng cây trong dung dịch không để ngập bộ rễ vào nước?

d. **Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')**

- Nhắc nhở vệ sinh sau thực hành.
- Đọc trước bài 15, tìm hiểu nguyên nhân gây ra các loại bệnh ở cây trồng.

e. **Rút kinh nghiệm sau giờ dạy**

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 24/11/2012

Ngày dạy:/ 12 / 2012 Lớp 10A1
 Ngày dạy:/ 12 / 2012 Lớp 10A2
 Ngày dạy:/ 12 / 2012 Lớp 10A3
 Ngày dạy:/ 12 / 2012 Lớp 10A4
 Ngày dạy:/ 12 / 2012 Lớp 10A5

Ngày dạy:	/ 12 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:	/ 12 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:	/ 12 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:	/ 12 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:	/ 12 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 15

Bài 15: ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN CỦA SÂU, BỆNH HẠI CÂY TRỒNG

1. Mục tiêu

- a. **Kiến thức:** Hiểu được điều kiện phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng.
- b. **Kỹ năng:** Vận dụng vào thực tế có biện pháp phòng trừ sâu bệnh tại gia đình và địa phương
- c. **Thái độ :** Hình thành ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh đồng ruộng.

2. Chuẩn bị:

- a. **GV:** Phương pháp: diễn giảng, hỏi đáp, thảo luận nhóm.
Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo.
- b. **HS:** Đọc bài mới trước ở nhà
Xem lại các kiến thức đã học về sâu bệnh hại cây trồng.
Chuẩn bị các mẫu phân vi sinh (nếu có).

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ôn định lớp (1')

***Kiểm tra bài cũ :** Nhận xét bài thực hành.

***Đặt vấn đề:** Theo đánh giá của tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO), tổn thất lương thực do sâu bệnh hại cây trồng hàng năm chiếm tới 20-25% tổng sản lượng trên thế giới. Vậy phải làm gì để hạn chế sự mất mát đó, tức là chúng ta phải tìm ra giải pháp diệt trừ sâu bệnh hại cây trồng. Chúng ta hãy bắt đầu từ việc nghiên cứu điều kiện phát sinh phát triển của bệnh. Đó là nội dung của bài hôm nay.

b. Bài mới:

HD 1: (10p) *Tìm hiểu về nguồn phát sinh sâu, bệnh hại cây trồng*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	Ghi bảng
Nguồn sâu bệnh trên đồng ruộng do đâu mà có?	Do còn sót lại ở vụ trước (trên cỏ dại, tàn dư TV, trong đất). - Trồng cây, gieo hạt giống bị nhiễm sâu bệnh.	I. NGUỒN SÂU BỆNH HẠI: - Có sẵn trên đồng ruộng. - Hạt giống, cây con bị nhiễm sâu bệnh. - Biện pháp: cây bừa ngâm đất, phơi đất phát quang bờ ruộng, vệ sinh đồng ruộng, sử dụng giống cây trồng sạch.

HD 2: (10p) *Tìm hiểu về điều kiện khí hậu, đất đai.*

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	Ghi bảng
	Mỗi loài sâu, bệnh hại phát triển trong một giới hạn nhiệt độ nhất	II. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU, ĐẤT ĐAI 1. Nhiệt độ môi trường - Ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển

Tại sao độ ẩm không khí và lượng mưa ảnh hưởng đến sinh trưởng của côn trùng? Điều kiện khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại? Tại sao bón nhiều phân đạm là điều kiện cho sâu bệnh xâm nhập?	định, ngoài giới hạn đó thì sâu, bệnh hại không phát triển, có thể chết. Vì lượng nước trong cơ thể côn trùng biến đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa. Có thể làm cho côn trùng phát triển tốt nhưng cũng có thể giết chết côn trùng. Vì phân đạm làm cho cây sinh trưởng – phát triển mạnh về thân, lá → đây là điều kiện tốt nhất cho các loại sâu, bệnh hại cây trồng xuất hiện và phát triển mạnh.	của sâu bệnh. - Ảnh hưởng đến quá trình xâm nhập và lây lan của bệnh hại. 2. Độ ẩm không khí và nguồn nước - Ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát dục của côn trùng. - Nhiệt độ và độ ẩm ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát sinh, phát triển của sâu, bệnh. 3. Điều kiện đất đai - Đất thiếu hoặc thừa dinh dưỡng, cây trồng phát triển không bình thường nên rất dễ bị sâu bệnh phá hoại. Ví dụ: trên đất giàu mùn, đạm: cây trồng dễ mắc bệnh đạo ôn. trên đất chua, cây trồng kém phát triển và dễ bị bệnh tiêm lửa.
---	--	--

HD 3: (10p) Tìm hiểu về giống cây trồng và chế độ chăm sóc:

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	Ghi bảng
Những nguyên nhân nào làm cho cây trồng bị nhiễm bệnh? Tại sao chăm sóc mất cân đối giữa nước và phân bón, bón nhiều phân đạm, ngâm úng làm cho sâu, bệnh phát triển mạnh? Nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh.	Thảo luận, nghiên cứu SGK và trả lời. Nghiên cứu SGK và trả lời: do nguồn giống, chế độ chăm sóc, điều kiện môi trường, đất đai,...	III. Giống cây trồng và chế độ chăm sóc 1. Giống cây trồng Sử dụng hạt giống, cây con bị nhiễm sâu, bệnh là điều kiện thuận lợi để sâu bệnh phát triển trên đồng ruộng. 2. Chế độ chăm sóc - Chế độ chăm sóc mất cân đối giữa nước, phân bón làm cho sâu, bệnh phát triển mạnh. - Bón nhiều phân đặc biệt là phân đạm làm tăng tính nhiễm bệnh của cây trồng. - Ngập úng và những vết thương cơ giới gây ra cho cây trồng trong quá trình chăm sóc tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật xâm nhập vào cây trồng.

HD 4:(10p) Tìm hiểu về điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	Ghi bảng
Nhận xét, đánh giá và bổ sung, giảng thêm cho HS hiểu rõ hơn Cho HS thảo luận nhóm, dựa vào tình hình thực tế tại địa phương và kiến thức đã học hãy cho biết điều kiện nào để cho sâu, bệnh phát triển thành dịch?	Thảo luận, ghi nhận và cử đại diện nhóm trả lời.	IV. Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch Một ổ dịch có thể phát triển khắp ruộng, cánh đồng khi: Có đủ thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, sâu, bệnh sinh sản mạnh, ổ dịch sẽ lan nhanh

c. củng cố:(3')

- Sử dụng các câu hỏi ở cuối bài để củng cố.

- Làm thế nào để hạn chế sự phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng thành dịch?

d. Hướng dẫn học bài và làm bài ở nhà: (1')

- Học bài và trả lời các câu hỏi cuối bài.
- Xem trước bài mới để chuẩn bị cho bài thực hành – quan sát các loại bệnh xảy ra trên cây trồng: lúa, cam, chanh, bưởi, dừa,... và các loại sâu gây hại cây trồng. Nguyên lý phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng, vai trò của các loài thiên địch.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 01/12/2012

Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 17

ÔN TẬP HỌC KÌ I

1. Mục tiêu

a. Kiến thức

- Hệ thống lại được nội dung kiến thức về trồng trọt, lâm nghiệp đại cương và nắm vững hệ thống kiến thức.

b. Kỹ năng

- Rèn luyện cho học sinh có tính tư duy logic có hệ thống.

c. Thái độ

- Nâng cao ý học tập và ứng dụng kiến thức giải thích các hiện tượng trong thực tiễn.

2. Chuẩn bị

a. GV: Phương pháp: Diễn giảng, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

Phương tiện: SGK, SGV, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

b. HS: Chủ động ôn và xem trước nội dung ôn ở nhà.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ôn định lớp (1')

*** Kiểm tra bài cũ (3’):**

CH 1: Em hãy phân tích về ảnh hưởng của điều kiện khí hậu, đất đai đến sự phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

ĐA: Điều kiện khí hậu đất đai:

1. Nhiệt độ môi trường

- Ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển của sâu bệnh.
- Ảnh hưởng đến quá trình xâm nhập và lây lan của bệnh hại.

2. Độ ẩm không khí và nguồn nước

- Ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát dục của côn trùng.
- Nhiệt độ và độ ẩm ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát sinh, phát triển của sâu, bệnh.

3. Điều kiện đất đai

- Đất thiếu hoặc thừa dinh dưỡng, cây trồng phát triển không bình thường nên rất dễ bị sâu bệnh phá hoại.

Ví dụ: trên đất giàu mùn, đạm: cây trồng dễ mắc bệnh đạo ôn.

trên đất chua, cây trồng kém phát triển và dễ bị bệnh tiêm lửa

CH 2: Em hãy phân tích về ảnh hưởng của điều kiện giống cây trồng và chế độ chăm sóc đến sự phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

ĐA : Điều kiện giống cây trồng và chế độ chăm sóc

1. Giống cây trồng

Sử dụng hạt giống, cây con bị nhiễm sâu, bệnh là điều kiện thuận lợi để sâu bệnh phát triển trên đồng ruộng.

2. Chế độ chăm sóc

- Chế độ chăm sóc mất cân đối giữa nước, phân bón làm cho sâu, bệnh phát triển mạnh.
- Bón nhiều phân đặc biệt là phân đạm làm tăng tính nhiễm bệnh của cây trồng.
- Ngập úng và những vết thương cơ giới gây ra cho cây trồng trong quá trình chăm sóc tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật xâm nhập vào cây trồng.

*** Đặt vấn đề (2’):** Để kiểm tra chất lượng và khả năng nhận thức qua một học kì của các em, trong giờ học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập và hệ thống lại kiến thức.

b. Bài mới:

HĐ 1: Hệ thống hóa kiến thức.(17’)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
Gọi từng học sinh đứng lên trả lời hoàn thiện từng nội dung cơ bản của từng bài	HS chú ý nghe các bạn khác trả lời, ghi chép nội dung vào vở,	<u>Hệ thống hoá kiến thức:</u> <u>1. Giống cây trồng trong sản xuất nông, lâm nghiệp</u> a-Khảo nghiệm giống cây trồng. b-Sản xuất giống cây trồng nông, lâm nghiệp. c-Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp. <u>2. Sử dụng và bảo vệ đất trồng</u>

	Chuẩn bị cho những nội dung tiếp của bài ôn tập	a-Một số tính chất cơ bản của đất. b-Biện pháp cải tạo và sử dụng đất xấu ở nước ta. 3. <u>Sử dụng và sản xuất phân bón</u> a-Đặc điểm, tính chất kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thường dùng b-Ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất phân bón 4. <u>Bảo vệ cây trồng</u> - Điều kiện phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng.
--	--	--

HD 2: HS lên bảng trả lời các câu hỏi ôn tập(17p)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung ghi bảng
1/ Vì sao phải khảo nghiệm giống cây trồng ? 2/ Các loại khảo nghiệm giống cây trồng 3/ Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng ? ?Vẽ và giải thích sơ đồ quy trình sản xuất giống cây trồng ? 4/ Nêu những ứng dụng của công nghệ sinh học trong sản xuất giống cây trồng nông, lâm nghiệp? 5/ Nêu định nghĩa và cấu tạo của keo đất? 6/ Thế nào là phản ứng của dung dịch đất? Đất có những loại độ chua nào? ?Thế nào là độ phì nhiêu của đất? Để làm tăng độ phì nhiêu của đất người ta thường sử dụng các biện pháp nào? 7/ Trình bày sự hình thành, tính chất và biện pháp cải tạo đất xám bạc màu, đất xói mòn trơ sỏi đá, đất phèn, đất mặn?	- Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi. - HS thảo luận và trả lời các câu hỏi. - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời - Trả lời	

8/ Nêu đặc điểm và cách sử dụng phân hóa học, phân hữu cơ và phân vi sinh vật?	- Trả lời	
9/ Nêu những ứng dụng của công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón?	- Trả lời	
	- Trả lời	
10/ Trình bày điều kiện phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng nông, lâm nghiệp?		
	- Trả lời	

c. Củng cố:(4')

- Hệ thống lại kiến thức một lần nữa.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- HS ôn kỹ bài để giờ sau kiểm tra học kì.
- Chuẩn bị bài giờ sau ôn tập để chuẩn bị kiểm tra một tiết.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: 08/12/2012

Ngày kiểm tra:/ 12 / 2012

Lớp 10A1

Ngày kiểm tra:/ 12 / 2012

Lớp 10A2

Ngày kiểm tra:/ 12 / 2012

Lớp 10A3

Ngày kiểm tra:/ 12 / 2012

Lớp 10A4

Ngày kiểm tra:/ 12 / 2012

Lớp 10A5

Ngày kiểm tra:	/ 12 / 2012	Lớp 10B1
Ngày kiểm tra:	/ 12 / 2012	Lớp 10B2
Ngày kiểm tra:	/ 12 / 2012	Lớp 10B3
Ngày kiểm tra:	/ 12 / 2012	Lớp 10B4
Ngày kiểm tra:	/ 12 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 17

KIỂM TRA HỌC KÌ I

1. Mục tiêu

- a. **Kiến thức** - Nắm trắ kiến thức đã học..
- b. **Kỹ năng** - Rèn luyện cho học sinh có tính tư duy logic có hệ thống, tính tự giác trong thi cử.
- c. **Thái độ** - Nâng cao ý học tập và nghiêm túc trong giờ làm bài

2. Chuẩn bị

- a. **GV:** Phương pháp: Trả lời câu hỏi cuối bài..
Phương tiện: Đề thi.
- b. **HS:** Ôn bài trước khi tới lớp.

3. Tiến trình bài dạy:

a. Ổn định lớp:

- * **Kiểm tra bài cũ.** Không kiểm tra.
- * **Đặt vấn đề:** Để kiểm tra đánh giá chất lượng và khả năng nhận thức của các em trong quá trình một học kì, nay chúng ta sẽ làm bài kiểm tra.

b. Bài kiểm tra:

1-Ma trận đề kiểm tra:

Chủ đề \ Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1. Giống cây trồng trong sản xuất nông, lâm nghiệp	Nhớ được các nhóm cây trồng, quy trình sản xuất giống của những nhóm cây trồng này				

	Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỉ lệ: 30%
2. Sử dụng và bảo vệ đất trồng		Hiểu được cấu tạo của keo đất và một số tính chất của đất trồng, Hiểu được nguyên nhân hình thành, đặc điểm tính chất và tác dụng của các biện pháp cải tạo.			
	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 1 Số điểm: 3 Tỉ lệ: 30%
3. Sử dụng và sản xuất phân bón	Biết được một số loại phân bón thông thường, nêu được đặc điểm tính chất cơ bản của những loại phân này.				
	Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%
4. Bảo vệ cây trồng			Dựa vào sự hiểu biết về các điều		

			kiện ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng có thể đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế sự phát sinh phát triển đó.		
	Số câu:	Số câu:	Số câu: 1	Số câu:	Số câu: 1
	Số điểm:	Số điểm:	Số điểm: 2	Số điểm:	Số điểm: 2
	Tỉ lệ:	Tỉ lệ:	Tỉ lệ: 20%	Tỉ lệ:	Tỉ lệ: 20%
Tổng số câu:	2	1	1		4
Tổng số điểm:	5	3	2		10
Tỉ lệ:	50%	30%	20%		100%

2- Đề kiểm tra:

TRƯỜNG THPT GIA PHÙ

Tổ: Công nghệ - Thiết bị thí nghiệm

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Công nghệ - Lớp 10 Ban cơ bản

Năm học: 2012– 2013

Thời gian : 45 phút

A. Đề chẵn:

Câu 1. Em hãy chỉ ra quy trình sản xuất giống ở nhóm cây trồng tự thụ phấn theo sơ đồ duy trì? (3đ)

Câu 2. Em hãy trình bày đặc điểm, tính chất của đất xám bạc màu, chỉ ra được tác dụng của các biện pháp cải tạo? (3đ)

Câu 3. Em hãy kể tên những loại phân hữu cơ mà em biết? Nêu đặc điểm, tính chất của loại phân này? (2đ)

Câu 4. Từ những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng, em hãy đưa ra những biện pháp nhằm hạn chế sự phát sinh phát triển của sâu bệnh. (2đ)

A. Đề lẻ:

Câu 1. Em hãy chỉ ra quy trình sản xuất giống ở nhóm cây trồng tự thụ phấn theo sơ đồ phục tráng? (3đ)

- Câu 2.** Em hãy trình bày đặc điểm, tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, chỉ ra được tác dụng của các biện pháp cải tạo? (3đ)
- Câu 3.** Em hãy kể tên những loại phân hoá học mà em biết? Nêu đặc điểm, tính chất của loại phân này? (2đ)
- Câu 4.** Từ những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng, em hãy đưa ra những biện pháp nhằm hạn chế sự phát sinh phát triển của sâu bệnh. (2đ)

Ngày tháng năm
Tổ trưởng chuyên môn:

Ngày tháng năm
Duyệt của BGH :

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

A. Đề chẵn:

Câu	Đáp án	Thang điểm
1	Quy trình sản xuất giống ở nhóm cây trồng tự thụ phấn theo sơ đồ duy trì: Các giống mới chọn tạo do tác giả cung cấp hoặc hạt siêu nguyên chủng được SX theo sơ đồ duy trì: +Năm1 : Gieo hạt, chọn cây ưu tú. +Năm 2 : Gieo hạt cây ưu tú, thu hoạch chung các dòng đúng giống gọi là hạt SNC. +Năm 3: Nhân giống NC từ SNC. +Năm 4: Sản xuất giống XN từ giống NC.	1 đ 0.5 đ 1 đ 0.5 đ 0.5 đ
2	<u>Đặc điểm, tính chất của đất xám bạc màu:</u> - Tầng đất mặt mỏng. Thành phần cơ giới nhẹ. Đất khô hạn. -Đất chua hoặc rất chua. pH= 3,5 – 4, nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn. - Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu. <u>Tác dụng của các biện pháp cải tạo:</u> 1.Xây dựng bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hợp lí. Nhằm khắc phục hạn hán,tạo điều kiện thuận lợi choVSV hđ. 2.Cày sâu dần tăng dần độ dày của tầng đất mặt 3.Bón vôi, cải tạo đất giảm độ chua. 4.Luân canh, chú ý cây họ đậu, cây phân xanh giúp tăng cường VSV cố định đạm, dinh dưỡng. 5.Bón phân hợp lí, tăng phân hữu cơ. Td: Tăng dinh dưỡng., mùn,VSV hđ &	0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ

	phát triển.	0.25 đ
3	<u>Những loại phân hữu cơ:</u> - Phân xanh: các loại thân, lá cây họ đậu, dơn, dạ, cây chó đẻ, cúc dại... - Phân chuồng: Phân trâu, bò, gà, ngựa, phân bắc... <u>Đặc điểm, tính chất của phân hữu cơ:</u> - Số lượng nguyên tố dinh dưỡng: chứa nhiều - Tỷ lệ chất dinh dưỡng: thành phần và tỷ lệ chất dinh dưỡng không ổn định - Khả năng tan (sống của vi sinh vật) : chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hoá, hiệu quả chậm. - Kết quả sau khi bón: chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hoá, hiệu quả chậm.	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.25 đ
4	<u>Những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng:</u> - Nguồn sâu bệnh hại có sẵn trên đồng ruộng, hạt giống, cây con bị nhiễm sâu bệnh. - Điều kiện khí hậu, đất đai: nhiệt độ môi trường, độ ẩm không khí và nguồn nước, điều kiện đất đai - Giống cây trồng và chế độ chăm sóc <u>Một số biện pháp nhằm hạn chế sự phát sinh phát triển của sâu bệnh:</u> - Sử dụng giống cây trồng sạch bệnh. - Cây bừa ngâm đất, phơi đất phát quang bờ ruộng, vệ sinh đồng ruộng. - Phòng sâu bệnh bằng các biện pháp vật lý như bắt, bẫy. - Biện pháp hoá học: phun thuốc đúng thời điểm, đúng kỹ thuật.	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ 0.25 đ 0.25 đ

A. Đề lẻ:

Câu	Đáp án	Thang điểm
1	Quy trình sản xuất giống ở nhóm cây trồng tự thụ phấn theo sơ đồ phục tráng: Các giống nhập nội, các giống bị thoái hoá (vật liệu khởi đầu) thì sản xuất giống theo sơ đồ phục tráng: - Năm 1: gieo hạt tác giả (SNC) → chọn cây ưu tú. - Năm 2: gieo hạt cây ưu tú thành từng dòng → hạt SNC. - Năm 3: Nhân giống siêu nguyên chủng → giống nguyên chủng. - Năm 4: Sản xuất hạt giống xác nhận từ giống NC, gieo hạt của VLKĐ (cần phục tráng) → chọn cây ưu tú.	0.25 đ 0.5 đ 0.5 đ 0.25 đ

	-gieo hạt cây ưu tú thành từng dòng, CL hạt của 4 -5 dòng tốt nhất → đánh giá lần 1. - chia hạt tốt nhất thành 2 phần nhân sơ bộ và so sánh giống. ⇒ thu hạt SNC đã phục tráng. - Năm 5: Sản xuất hạt giống xác nhận từ giống NC.	0.5 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ
2	<u>Đặc điểm, tính chất của đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá:</u> -Hình thái phẫu diện không hoàn chỉnh. - Sét và limon bị cuốn trôi, cát sỏi chiếm ưu thế. -Chua, nghèo mùn, nghèo dinh dưỡng.. - Số lượng VSV trong đất ít, hoạt động của VSV yếu.. <u>Tác dụng của các biện pháp cải tạo:</u> a. Biện pháp công trình +Lm ruộng bậc thang nhằm hạn chế định chảy rửa trôi +Thêm cy ăn quả lm nng cao độ che phủ, hạn chế định chảy. b. Biện pháp nông học +Canh tc theo đường đồng mức. Trồng cy thnh băng. hạn chế định chảy +Bổn phn hữu cơ kết hợp phn không tăng độ phì nhiêu, VSV +Bổn vôi. giảm độ chua +Lun canh, xen canh gối vụ. hạn chế bạc mu +Nong lm kết hợp. tăng độ che phủ, hạn chế định chảy. +Trồng, bảo vệ rừng đầu nguồn. hạn chế lũ lụt	0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ
3	Tên những loại phân hoá học: NPK, đạm, lân, Kali, NPK-S, Đặc điểm, tính chất của phân hoá học: - Số lượng nguyên tố dinh dưỡng ít - Tỷ lệ chất dinh dưỡng cao - Khả năng tan (sóng của vi sinh vật): dễ hòa tan (trừ phân lân), cây dễ hấp thụ, hiệu quả nhanh. - Kết quả sau khi bón: bón nhiều, liên tục trong nhiều năm (N,P) đất bị chua.	0.5 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ 0.5 đ
4	Đáp án đề 1	

c. Nhận xét bài kiểm tra sau khi chấm bài :

.....

.....

.....

Duyệt của tổ chuyên môn

Ngày soạn: /11/2012

Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A1
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A2
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A3
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A4
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10A5
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B1
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B2
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B3
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B4
Ngày dạy:/ 12 / 2012	Lớp 10B5

Tiết 18

Bài 16: Thực hành:
NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI SÂU BỆNH HẠI LÚA

1. Mục tiêu

Học xong bài này, học sinh cần:

a. Kiến thức:

- Biết được quy trình thực hành.

b. Kỹ năng - Rèn luyện tính cẩn thận, khéo léo.

c. Thái độ : - Thực hiện đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Có ý thức tìm tòi sáng tạo trong khoa học, yêu thích việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất .

2. Chuẩn bị

a. GV:

b. HS: Đọc trước quy trình thực hành ở nhà, và mang đầy đủ cây thí nghiệm đi theo sự phân công của giáo viên.

3. Tiến trình:

a. Ổn định lớp (1')

* **Kiểm tra bài cũ:** Lòng trong bài dạy

* **Đặt vấn đề: (1')** Chúng ta đều biết bệnh sâu hại cây trồng gây thiệt hại lớn, làm giảm đáng kể năng suất lương thực, thực phẩm, có khi gây mất mùa. Để diệt trừ cần nhận dạng được những sâu, bệnh gây hại. Hôm nay chúng ta sẽ điếm mặt, gọi tên một số sâu bệnh hại lúa thông qua bài thực hành: Nhận biết một số sâu bệnh hại lúa.

b. Bài mới:

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học (5p)

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
Sâu bệnh hại cây trồng có rất nhiều loài, và chủng loại khác nhau. Việc điều tra dự báo tình hình sâu bệnh trên đồng ruộng là rất cần thiết để chủ động phòng trừ. Muốn vậy đòi hỏi phải nhận biết được các loại sâu bệnh gây hại một cách chính xác. Bài học này giúp ta có được những kỹ năng cần thiết đó Nêu mục tiêu bài học SGK	Nghe GV nêu vấn đề của bài học. Nắm vững mục tiêu của bài để cố gắng đạt tới.	

Hoạt động 2: GV trình diễn kỹ năng (10p)

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
GV làm mẫu với một mẫu vật nào đó + Tay phải cầm lupa, tay trái cầm hộp đựng mẫu vật, Soi kính lupa và quan sát tuần tự theo SGK. + Vừa quan sát kết hợp vẽ hình, và ghi chép nhận xét những đặc điểm rõ rệt của sâu bệnh + Đối chiếu với hình mẫu hoặc các điểm mô tả chuẩn để xác định tên gọi - GV vừa làm vừa giới thiệu từng bước thực hiện. Lưu ý học sinh quan sát màu sắc, hình dáng, những đặc điểm nổi bật của sâu bệnh	- Quan sát kỹ thao tác GV làm mẫu. Lưu ý : + trình tự công việc quan sát nhận xét -> nhận xét => vẽ hình => đối chiếu tiêu bản mẫu => xác định tên => kiểm tra kết quả + kỹ năng sử dụng dụng cụ, thao tác của tay.	<u>I CHUẨN BỊ</u> - Mẫu tiêu bản - Tranh ảnh về sâu bệnh - Thước kẻ - Kính lupa cầm tay - Panh - Kim mũi mác <u>II QUY TRÌNH THỰC HÀNH</u> <u>1</u> Giới thiệu một số loại sâu bệnh hại lúa phổ biến - Sâu đục thân - Sâu cuốn lá lúa loại nhỏ - Rầy nâu hại lúa - Bệnh bạc lá - Bệnh khô vằn - Bệnh đạo ôn <u>2</u> Hướng dẫn HS quan sát mẫu sâu bệnh thật

Hoạt động 3: HS quan sát và nhận biết sâu bệnh (15p)

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
- Rà soát nhanh mẫu vật, dụng cụ, - Giao nhiệm vụ: mỗi HS quan sát 3 mẫu vật sâu, 3 mẫu vật bệnh, - Quán xuyến lớp, quan sát từng học sinh, hướng dẫn lại nếu học	Quan sát sau đó ghi vào bảng đánh giá theo mẫu SGK Nhận đủ dụng cụ thực hành Cá nhân làm việc với từng	

sinh chưa làm đúng , - Lưu ý : trong bài này học sinh hay hỏi kết quả của nhau, nên lớp học ồn,	mẫu vật Thực hiện theo đúng trình tự GV đã hướng dẫn. Mô tả tỉ mỉ chính xác và đối chiếu cẩn thận để xác định tên của sâu bệnh - Nên làm gọn từng mẫu vật, làm tới đâu ghi vào nài thực hành tới đó.	
--	--	--

Hoạt động 4: Tổng kết, kiểm tra đánh giá (9p)

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS	GHI BẢNG
GV gọi từng em mang bài thực hành lên và chấm.	Tự rà soát lại bài của mình	

Mẫu tiêu bản	Đặc điểm hình thái sâu hại				Đặc điểm gây hại	Tên gọi
	Trứng	Sâu non	Nhộng	Bướm		
Mẫu 1						
Mẫu 2						
Mẫu 3						

c. Củng cố:(3')

- Gọi 1 HS trình bày Quy trình thực hành.
- Nhận xét giờ thực hành về các mặt:
 - + Công việc chuẩn bị của HS.
 - + Kỹ năng thao tác thực hành.
 - + Kỉ luật, vệ sinh trong tiết học.

d. Hướng dẫn học bài và làm bài tập ở nhà: (1')

- Nhắc nhở vệ sinh sau thực hành.
- Đọc trước bài 17, tìm hiểu các biện pháp phòng trừ dịch hại cây trồng.

e. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy

Duyệt của tổ chuyên môn